

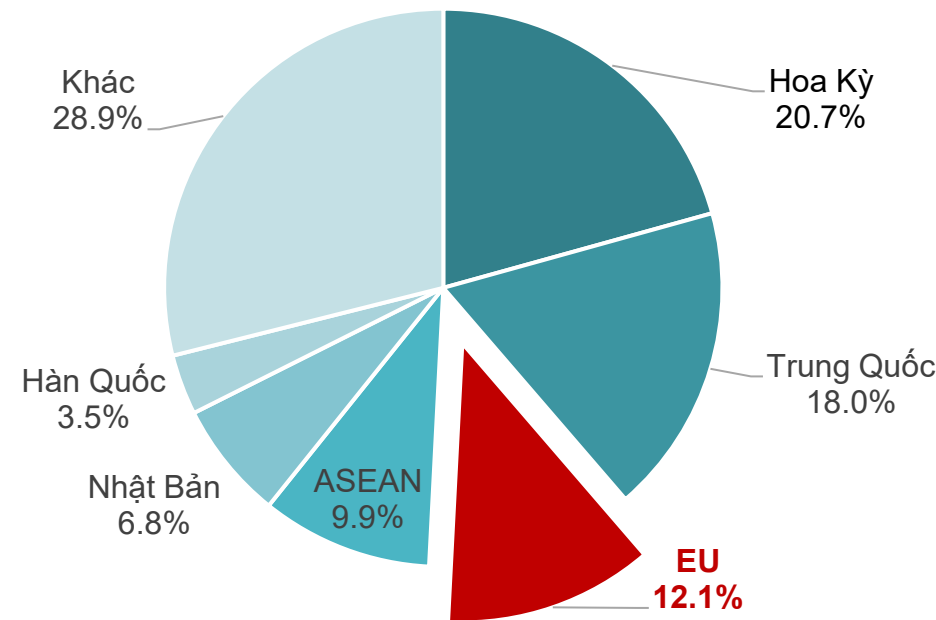


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG EU

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU THÁNG 4/2025

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường EU, T4/2025

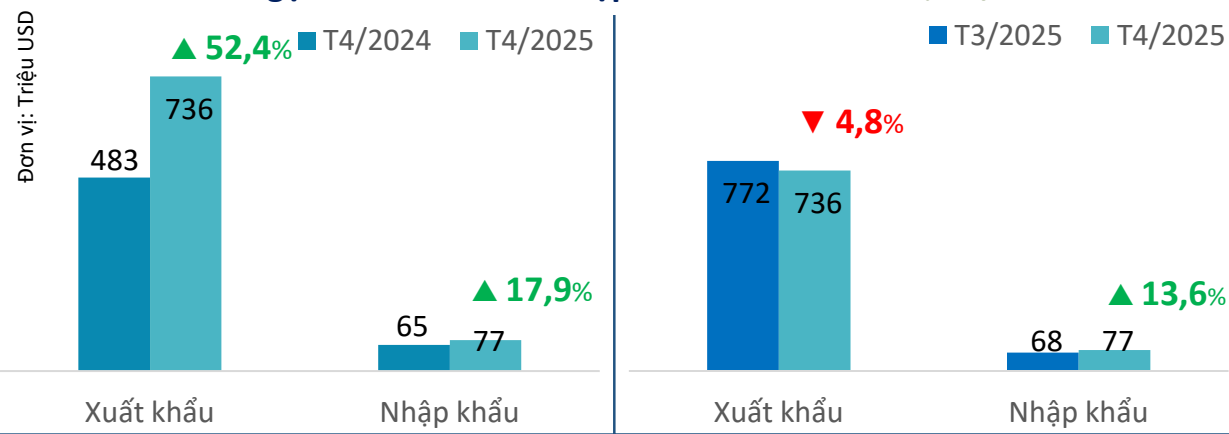


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường EU T4/2025 so với T3/2025 và T4/2024

	Kim ngạch XK (triệu USD)	So với T3/2025	So với T4/2024
Hoa Kỳ	1.254	▼ 0,5%	▼ 1,3%
Trung Quốc	1.091	▲ 1,1%	▼ 2,0%
EU	736	▼ 0,6%	▲ 2,8%
ASEAN	602	▲ 0,4%	▼ 3,2%
Nhật Bản	415	▼ 0,4%	▲ 0,6%
Hàn Quốc	212	▲ 0,005%	▼ 0,4%
Tổng XK	6.062		

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU THÁNG 4/2025

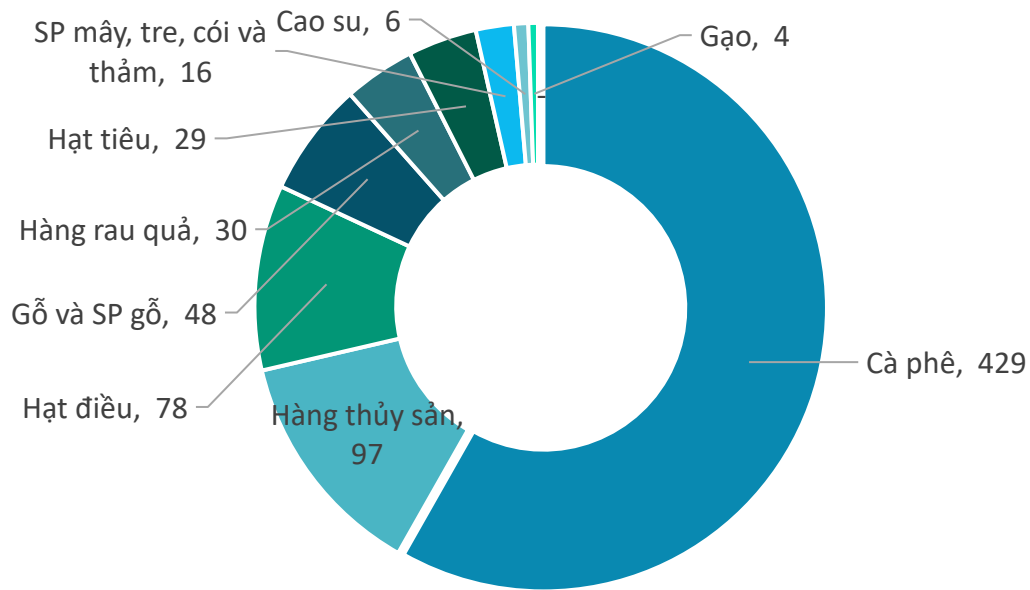
Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu NLTS VN - EU, T4/2025



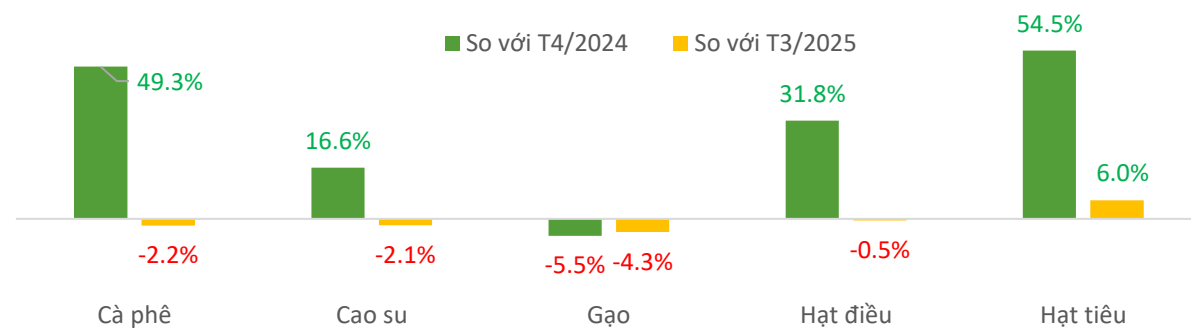
Biến động giá trị xuất khẩu NLTS chính VN sang thị trường EU T4/2025 so với T3/2025



Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính VN sang thị trường EU, T4/2025



Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS chính VN sang thị trường EU T4/2025 so với T4/2024 và T3/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

EU gia tăng kiểm soát chất lượng nông sản

Vào giữa tháng 6, Liên minh châu Âu (EU) sẽ cử đoàn thanh tra đến Việt Nam để kiểm tra việc kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên các nông sản xuất khẩu sang EU như sầu riêng, thanh long và ổi. Theo quy định, EU định kỳ 6 tháng sẽ xem xét lại tần suất kiểm tra tại cửa khẩu dựa trên mức độ

tuân thủ an toàn thực phẩm.

Hiện tại, thanh long Việt Nam bị kiểm tra 20% tại EU, sầu riêng tăng từ 10% lên 20%, trong khi ổi chuông và đậu bắp bị kiểm tra tới 50%. Nếu phát hiện vi phạm dư lượng, doanh nghiệp không chỉ chịu chi phí vận chuyển hàng về nước mà còn có nguy cơ bị liệt vào danh sách đen, bị kiểm tra 100% các lô hàng sau.

Trước yêu cầu khắt khe từ EU, các

doanh nghiệp Việt Nam chủ động chuyển hướng sang nông nghiệp hữu cơ, giảm dần hóa chất để đáp ứng tiêu chuẩn.

Tuy giá trị xuất khẩu sang EU tăng mạnh, từ gần 3 tỷ USD năm 2020 lên gần 4,5 tỷ USD năm 2024, nhưng số cảnh báo từ EU cũng tăng gấp 4 lần, cho thấy áp lực lớn về tuân thủ và đảm bảo tính bền vững của nông sản Việt trên thị trường quốc tế.

Nguồn: Vtv.vn



Kinh tế EU dự kiến tăng trưởng vừa phải

Ủy ban châu Âu vừa công bố Dự báo Kinh tế Mùa xuân năm 2025, cho thấy nền kinh tế EU đã khởi đầu năm nay tích cực hơn dự kiến. Tăng trưởng kinh tế dự kiến sẽ diễn ra chậm trong năm 2025 nhưng sẽ tăng tốc vào năm 2026. Cụ thể, GDP thực tế ở khu vực đồng Euro sẽ tăng 0,9% vào năm 2025 và 1,4% vào năm 2026; đối với toàn EU, mức tăng trưởng tương ứng là 1,1% và 1,5%.

Lạm phát đang trên đà giảm dần. Tại khu vực đồng Euro, lạm phát dự kiến giảm từ 2,4% trong năm 2024 xuống còn 2,1% vào năm 2025 và tiếp tục xuống mức 1,7% vào năm 2026. Với toàn EU, tỷ lệ lạm phát cũng sẽ giảm xuống dưới 2% vào cuối giai đoạn dự báo.

Về thương mại, xuất khẩu của EU chịu ảnh hưởng tiêu cực từ sự suy thoái thương mại toàn cầu và được dự báo tăng 0,7% trong năm nay. Tuy nhiên, đến năm 2026, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu có thể đạt 2,1%, cho thấy kỳ vọng phục hồi trong trung hạn.

Thị trường lao động EU vẫn duy trì sức mạnh. Dự kiến trong năm 2024, nền kinh tế EU sẽ tạo ra 1,7 triệu việc làm mới và tiếp tục tăng thêm 2 triệu việc làm trong các năm sau. Tỷ lệ thất nghiệp được kỳ vọng giảm xuống mức 5,7% vào năm 2026.

Về tài khóa, thâm hụt ngân sách chung của EU dự kiến sẽ tăng nhẹ từ 3,2% năm 2024 lên 3,3% vào năm 2025 và duy trì ở mức này trong năm 2026. Mức tăng này được đánh giá là ổn định trong bối cảnh nhiều quốc gia đang tăng chi tiêu để hỗ trợ tăng trưởng.

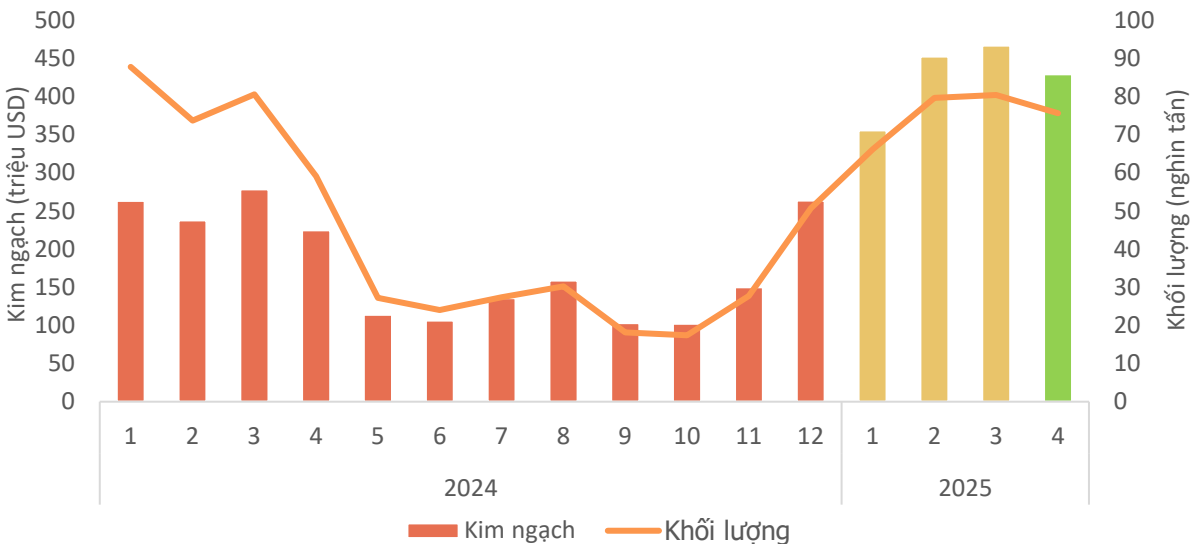
Nguồn: Dttc.sgpp.org.vn





CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường EU, T4/2025

KIM NGẠCH

429 triệu USD

↘ Giảm **8,1%** so với T3/2025

↗ Tăng **90,9%** so với T4/2024

↗ Cao hơn **251 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Giá trị xuất khẩu 4 tháng năm 2025 đạt **1,7** tỷ USD, đạt **79,7%** kim ngạch 2024.

KHỐI LƯỢNG

75,6 nghìn tấn

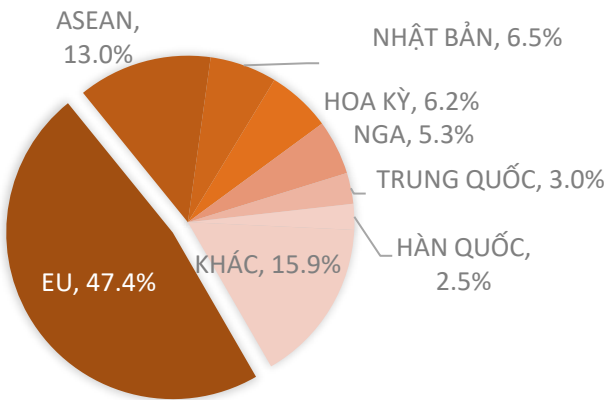
↘ Giảm **6%** so với T3/2025

↗ Tăng **27,9%** so với T4/2024

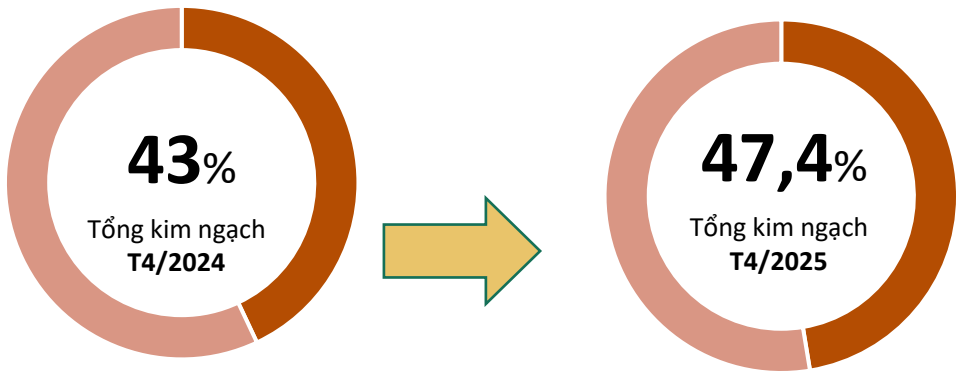
↗ Cao hơn **31,9 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Khối lượng xuất khẩu 4 tháng năm 2025 đạt **301,7** nghìn tấn, đạt **57,6%** lượng năm 2024.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường EU, T4/2025



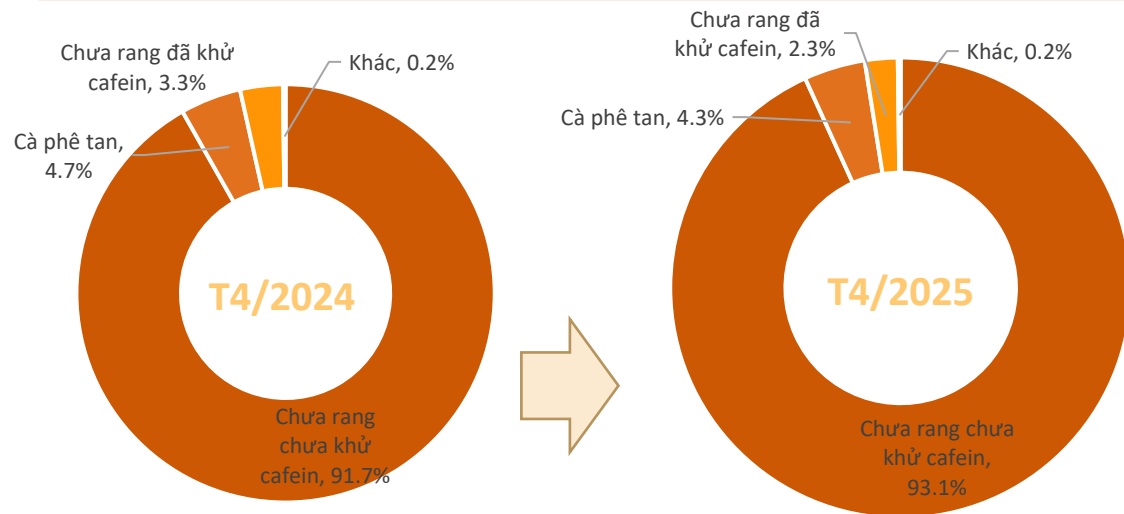
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường EU, T4/2025



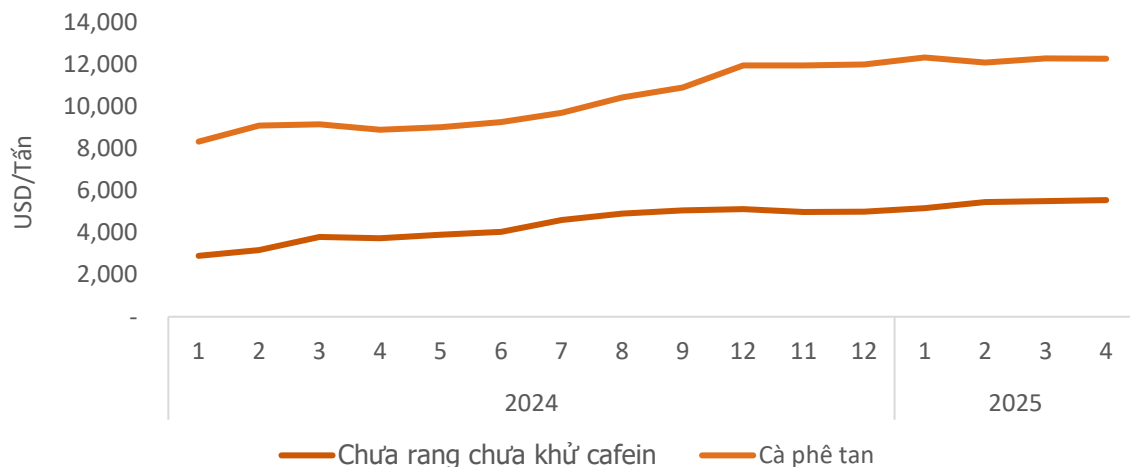


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T4/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường EU, T4/2025



Chưa rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **406** Triệu USD

Giảm **6%** so với T3/2025

Tăng **101%** so với T4/2024



Cà phê tan

Kim ngạch: **18,9** Triệu USD

Giảm **34%** so với T3/2025

Tăng **82,9%** so với T4/2024



Chưa rang đã khử caffein

Kim ngạch: **10** Triệu USD

Giảm **37,6%** so với T3/2025

Tăng **37,3%** so với T4/2024

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **12.267** USD/tấn; giảm **0,1%** so với tháng trước, và tăng **38,1%** so với cùng kỳ năm 2024.

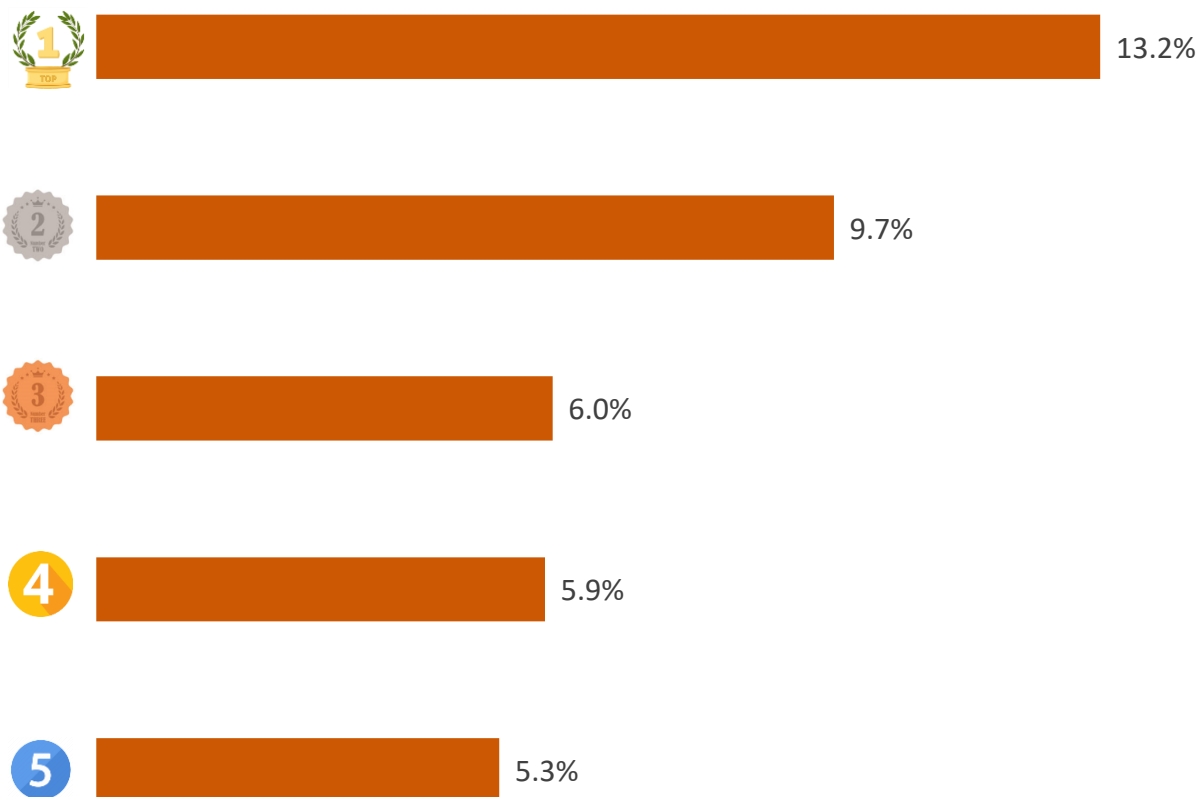
Cà phê chưa rang chưa khử caffein

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **5.542** USD/tấn; tăng **1%** so với tháng trước, và tăng **48,3%** so với cùng kỳ năm 2024.

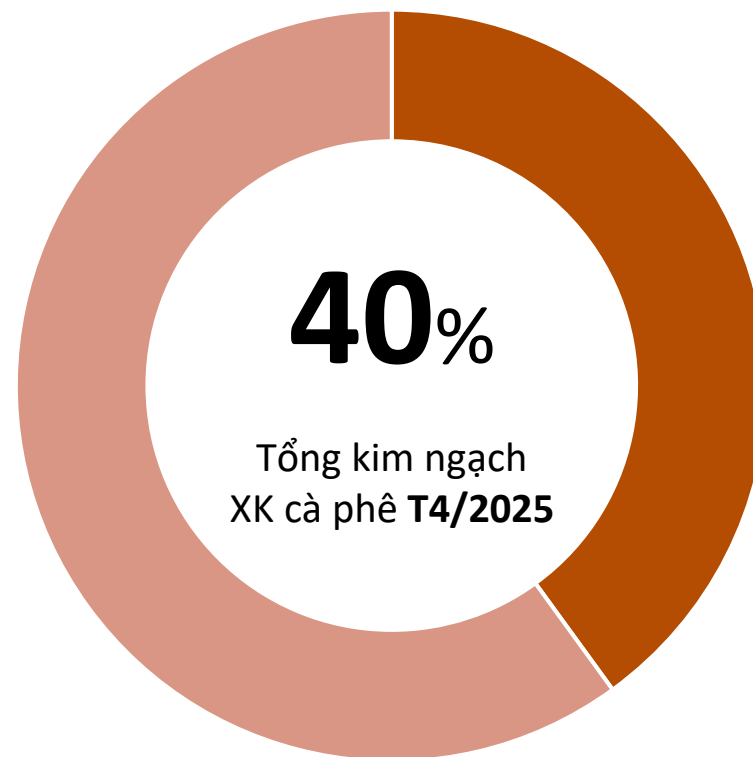


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T4/2025

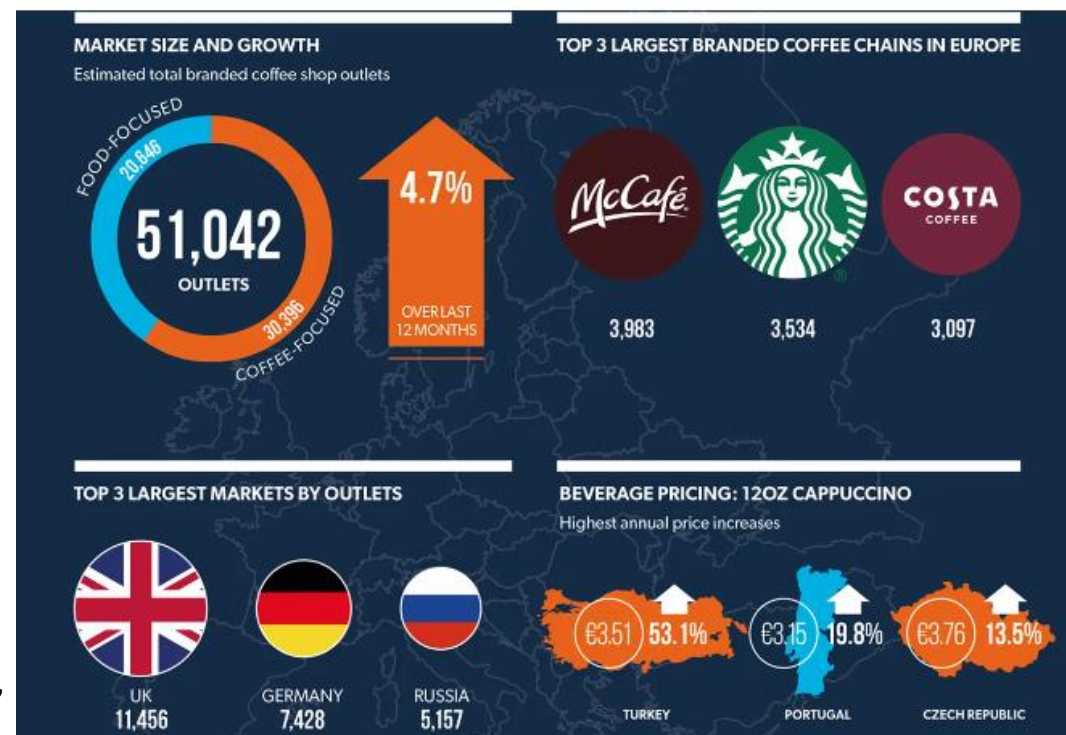


Thị trường chuỗi cà phê thương hiệu tại Châu Âu

- ◆ Tăng trưởng toàn thị trường: ▲ **4.7%**, đạt **51,042** cửa hàng
- ◆ Mở rộng tại **33/50** thị trường, bao gồm 15 thị trường lớn nhất
- ◆ Top 3 thị trường dẫn đầu:
 - Vương quốc Anh (11.456)
 - Đức (7.428)
 - Nga (5.157)
- ◆ Top 3 chuỗi lớn nhất:
 - McCafé (3.983)
 - Starbucks (3.534)
 - Costa Coffee (3.097)
- ◆ Áp lực chi phí: Giá cà phê xanh kỷ lục, lạm phát, năng lượng
- ◆ Giá cappuccino trung bình: €3,69 (▲ **7,6%**)
- ◆ **31% doanh nghiệp** đánh giá môi trường kinh doanh là “khó khăn”

◆ Triển vọng:

- Dự báo đạt **53.200** cửa hàng vào 2026
- Vượt **60.900** cửa hàng vào 2030 (CAGR 3.6%)





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG Cà PHÊ EU



Ủy ban châu Âu vừa công bố điều chỉnh Luật chống mất rừng (EUDR) nhằm giảm 30% gánh nặng báo cáo cho các doanh nghiệp lớn. Thay vì phải nộp báo cáo thẩm tra nguồn gốc cho từng lô hàng, các công ty sẽ chỉ cần nộp hàng năm và có thể tái sử dụng báo cáo cho hàng đã từng nhập khẩu.

Quy trình xác minh cũng được đơn giản hóa cho các công ty ở cuối chuỗi cung ứng. Thời hạn áp dụng mới là tháng 12/2025 cho doanh nghiệp lớn và tháng 6/2026 cho doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, luật vẫn chưa giải quyết được các khó khăn mà nông dân quy mô nhỏ đang gặp phải.

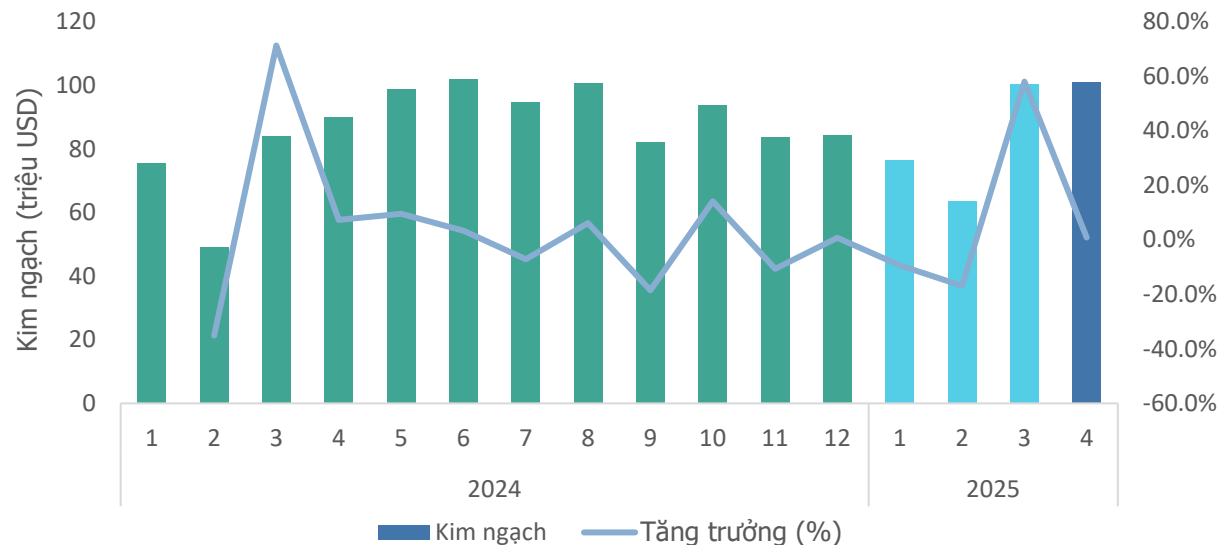


TIN LIÊN QUAN



Thủy sản

Giá trị Thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu Thủy sản sang thị trường EU, T4/2025

KIM NGẠCH

101,2 triệu USD



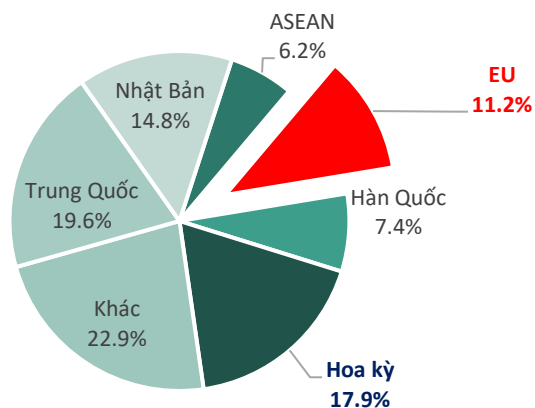
↗ Tăng **0,9%** so với T3/2025

↗ Tăng **12,4%** so với T4/2024

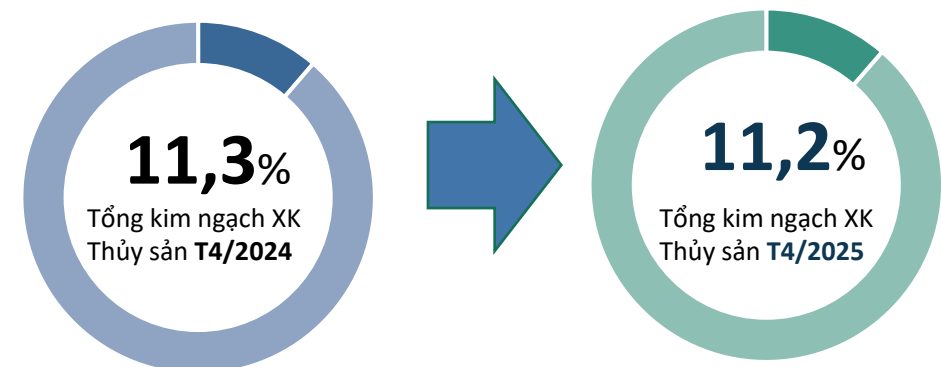
▲ Cao hơn **14,7 triệu USD** so với bình quân năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng 2025 đạt **341,5** triệu USD, đạt **32,9%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường EU, T4/2025



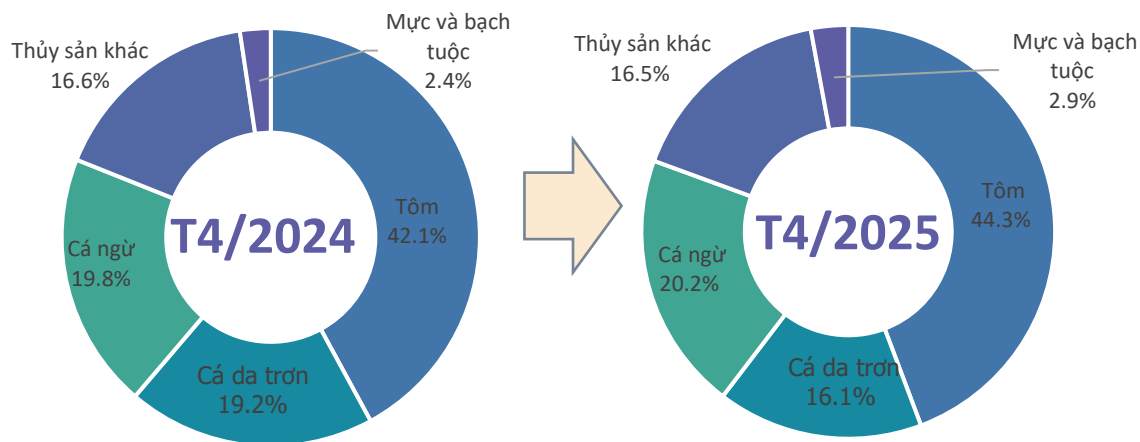
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường EU, T4/2025





Thủy sản

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU, T4/2025



Tôm

Kim ngạch: **44,8** Triệu USD
Tăng **5,4%** so với T3/2025
Tăng **18,2%** so với T4/2024



Cá da trơn

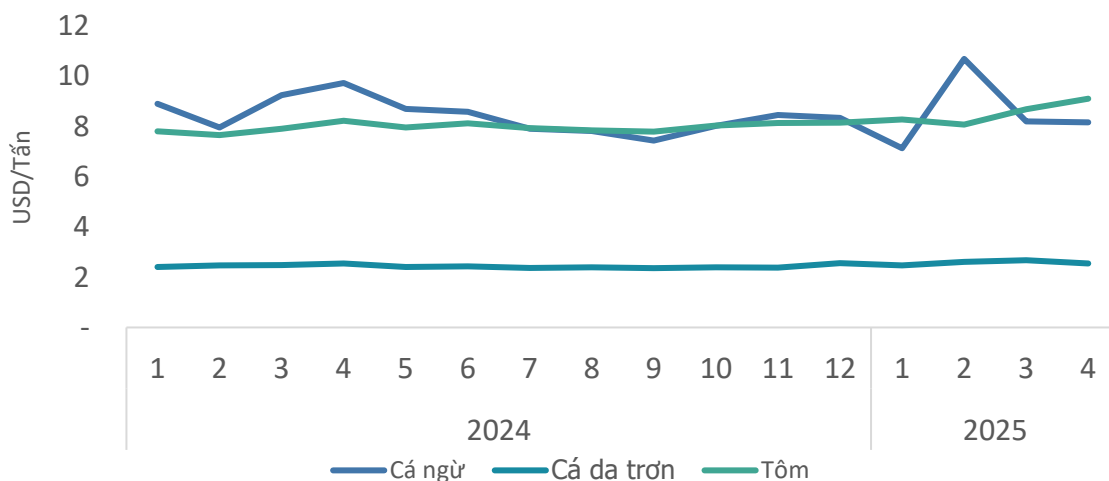
Kim ngạch: **16,3** Triệu USD
Giảm **15,9%** so với T3/2025
Giảm **5,6%** so với T4/2024



Cá ngừ

Kim ngạch: **20,5** Triệu USD
Giảm **2,1%** so với T3/2025
Tăng **13,2%** so với T4/2024

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T4/2025



Cá ngừ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **8,2** USD/kg; **giảm 0,5%** so với tháng trước; và **giảm 16,3%** so với cùng kỳ năm 2024.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **2,5** USD/kg; **giảm 5,1%** so với tháng trước; và **giảm 0,3%** so với cùng kỳ năm 2024.

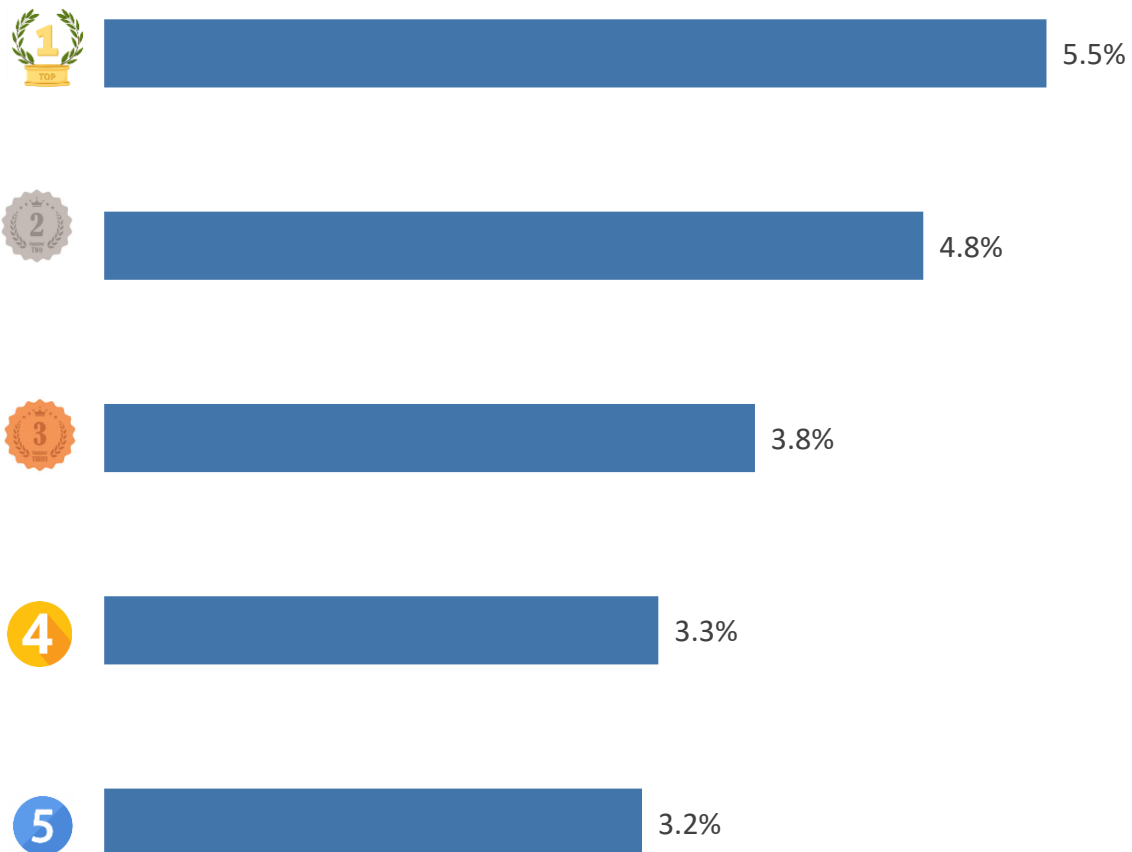
Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **9,1** USD/kg; **tăng 4,7%** so với tháng trước; và **tăng 10,7%** so với cùng kỳ năm 2024.

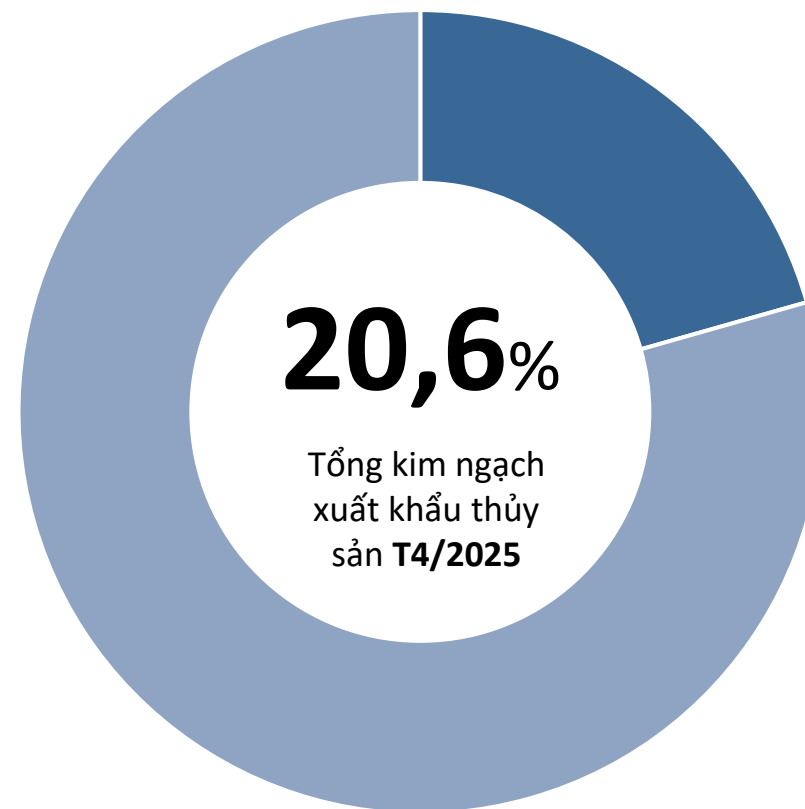


Thủy sản

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang EU, T4/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang EU, T4/2025



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN EU

EU siết chặt biện pháp chống khai thác thủy sản không bền vững

Ngày 3/6/2025, Hội đồng EU và Nghị viện châu Âu đã đạt được thỏa thuận sơ bộ về việc sửa đổi Quy định (EU) 1026/2012 nhằm tăng cường các biện pháp xử lý hoạt động khai thác thủy sản không bền vững của các quốc gia ngoài EU, đặc biệt tại các vùng biển có nguồn lợi chung. Quy định mới giúp EU dễ dàng xác định các quốc gia áp dụng các biện pháp khai thác không bền vững, đồng thời làm rõ quy trình thực hiện các biện pháp cưỡng chế như cấm nhập khẩu.

Đặc biệt, EU có thể áp đặt hạn chế nhập khẩu cả thủy sản khai thác thô lẫn sản phẩm đã qua chế biến chứa nguyên liệu từ nguồn đánh bắt không bền vững. Quy định mới cũng yêu cầu tăng minh bạch, báo cáo thường xuyên và ưu tiên hợp tác thông qua các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực (RFMO). Nếu không đạt đồng thuận tại RFMO, EU có thể đơn phương hành động sau 90 ngày kể từ khi gửi cảnh báo.

Các quan chức EU coi đây là bước ngoặt quan trọng, lần đầu tiên EU có một công cụ pháp lý rõ ràng, khả thi để phản ứng với việc khai thác không bền vững của các quốc gia ngoài khối, giúp bảo vệ nguồn lợi biển, môi trường và công bằng cho ngư dân EU. Quy định dự kiến được thông qua chính thức trong thời gian tới và có hiệu lực từ mùa thu năm 2025.

Nguồn: Thefishingdaily

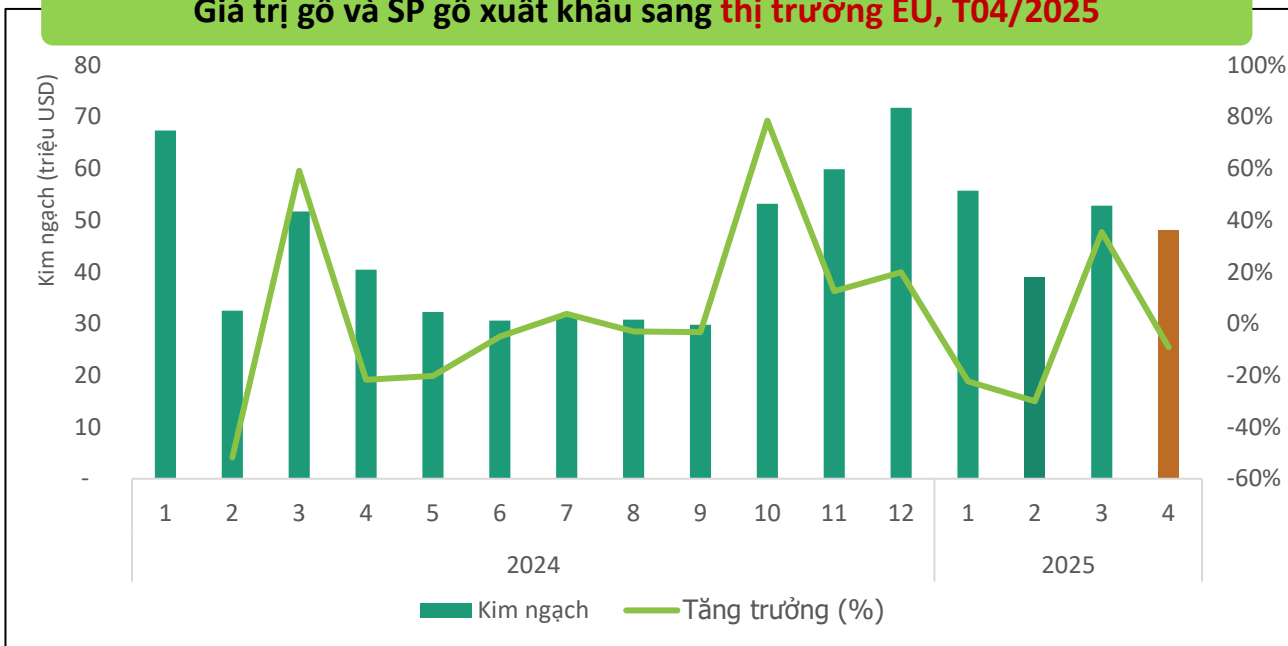


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường EU, T04/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường EU, T04/2025

KIM NGẠCH



48

triệu USD

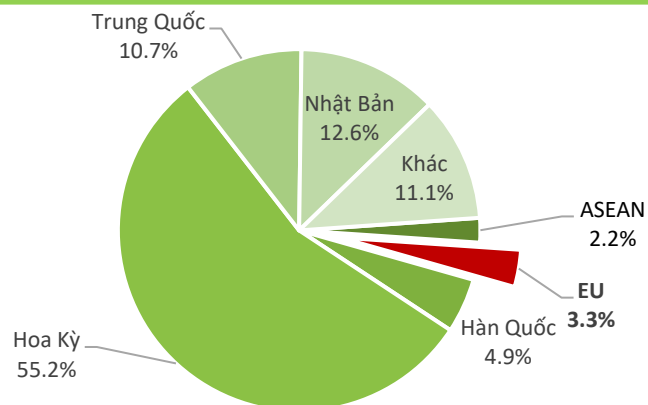
↘ Giảm **9,1%** so với T03/2025

↗ Tăng **18,7%** so với T04/2024

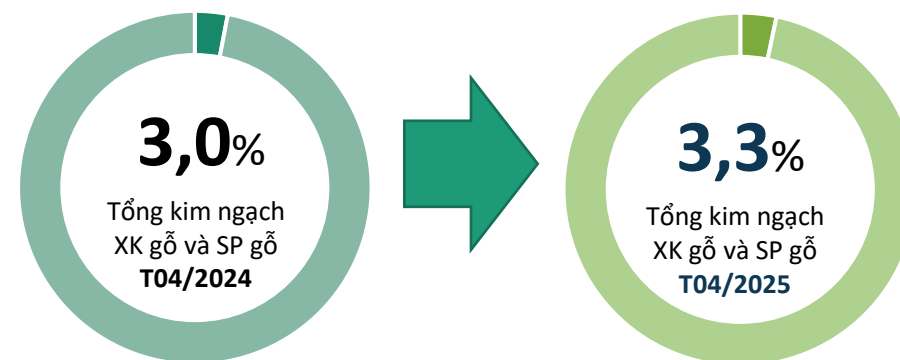
↑ Cao hơn **3,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **195,5** triệu USD, đạt **36,8%** kim ngạch năm 2024

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường EU, T04/2025



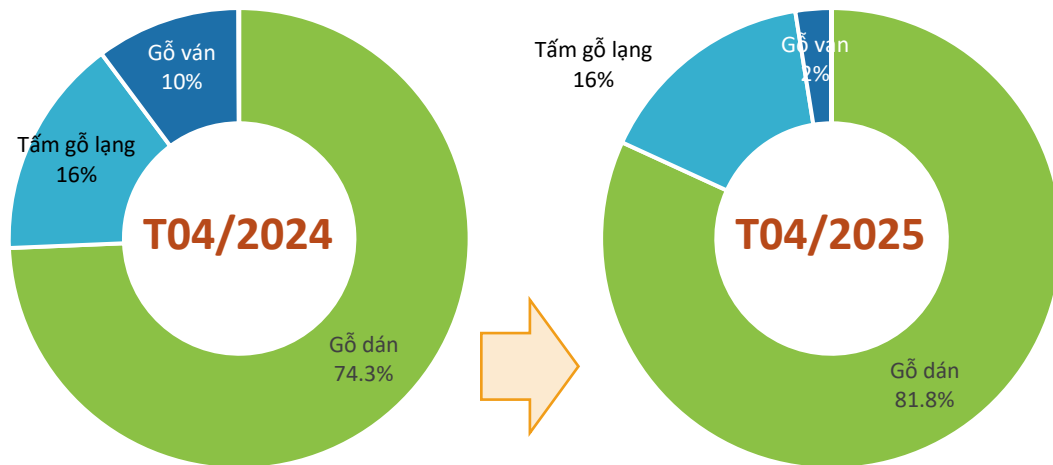
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường EU, T04/2025



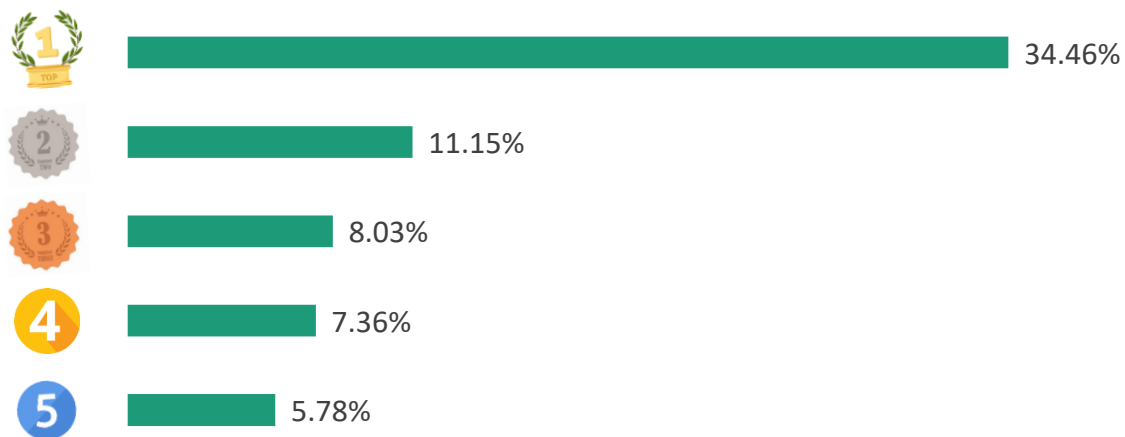


GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường EU, T04/2025



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T04/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường EU, T04/2025



Gỗ dán

Kim ngạch: **4,2** triệu USD
Tăng **28%** so với T03/2025
Tăng **117%** so với T04/2024



Gỗ ván

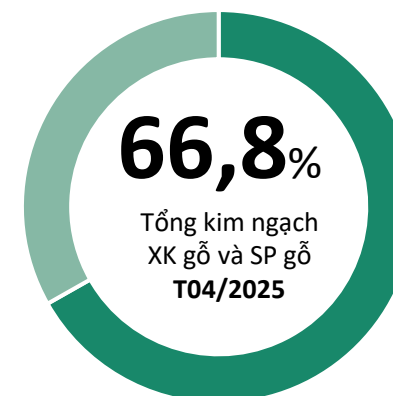
Kim ngạch: **129,0** nghìn USD
Giảm **47%** so với T03/2025
Giảm **38%** so với T04/2024



Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **803,8** nghìn USD
Tăng **4,0%** so với T03/2025
Gấp **2,5** lần so với T04/2024

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T04/2025





GỖ VÀ SP GỖ



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ EU

Ủy ban châu Âu (EC) đã công bố các biện pháp đơn giản hóa yêu cầu thẩm tra theo Quy định về nhập khẩu và tiêu dùng sản phẩm không gây mất rừng của EU (EUDR) nhằm giảm chi phí và gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp, bao gồm cho phép sử dụng lại bảng kê khai đối với hàng hóa đã nhập khẩu vào EU, nộp kê khai theo năm, và sử dụng mã số kê khai từ nhà cung cấp.

Các điều chỉnh này được đưa ra sau khi EUDR bị hoãn đến cuối năm 2025 và ban hành tài liệu hướng dẫn, hội thảo trực tuyến và đối thoại với các quốc gia đối tác trong khuôn khổ Chiến lược Hợp tác và Tham vấn (SFCE). Ngoài việc hỗ trợ doanh nghiệp thực thi quy định, EC cũng tăng ngân sách sáng kiến Team Europe lên 86 triệu EUR để hỗ trợ các quốc gia bị ảnh hưởng chuyển đổi sang chuỗi cung ứng hợp pháp, bền vững và không gây mất rừng, đồng thời chuẩn bị hoàn tất hệ thống phân loại rủi ro quốc gia về mất rừng vào cuối tháng 6.



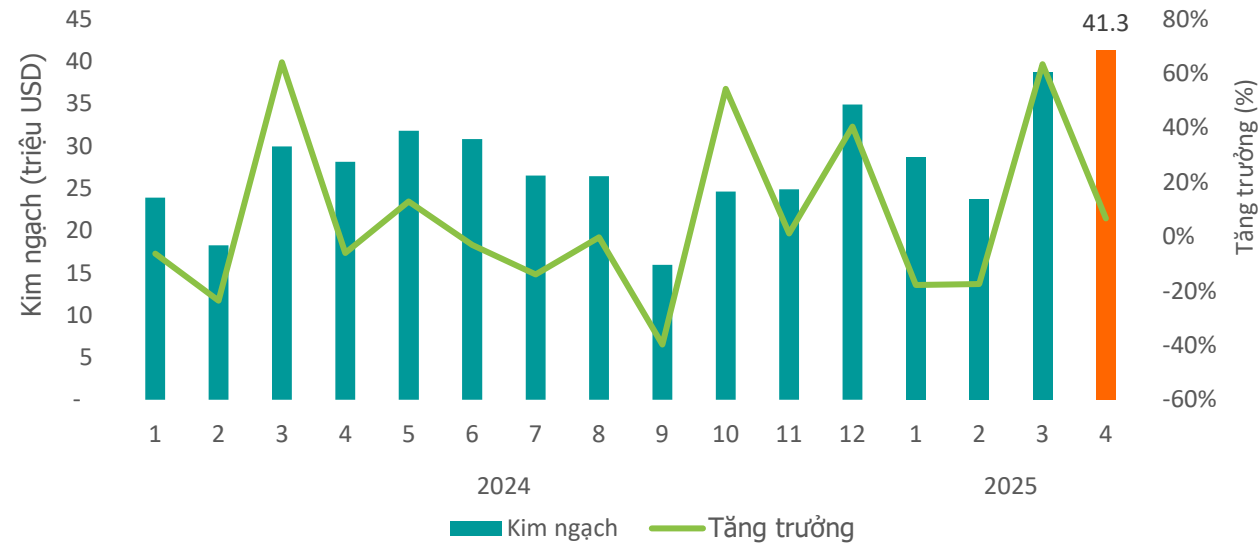
TIN LIÊN QUAN

Nguồn: ITTO



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T4/2025

KIM NGẠCH



41,3

triệu USD

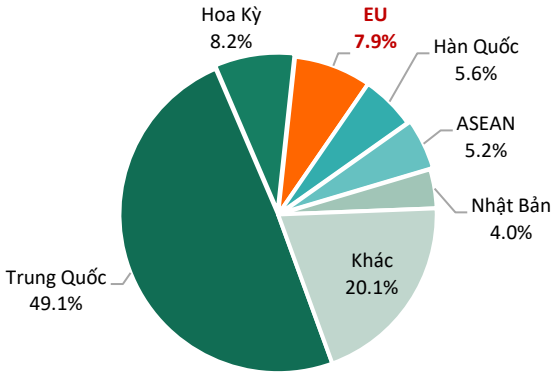
Tăng 6,7% so với T3/2025

Tăng 46,8% so với T4/2024

Cao hơn 15,0 triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2024

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt 132,5 tr.USD, đạt 41,9% kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường EU, T4/2025



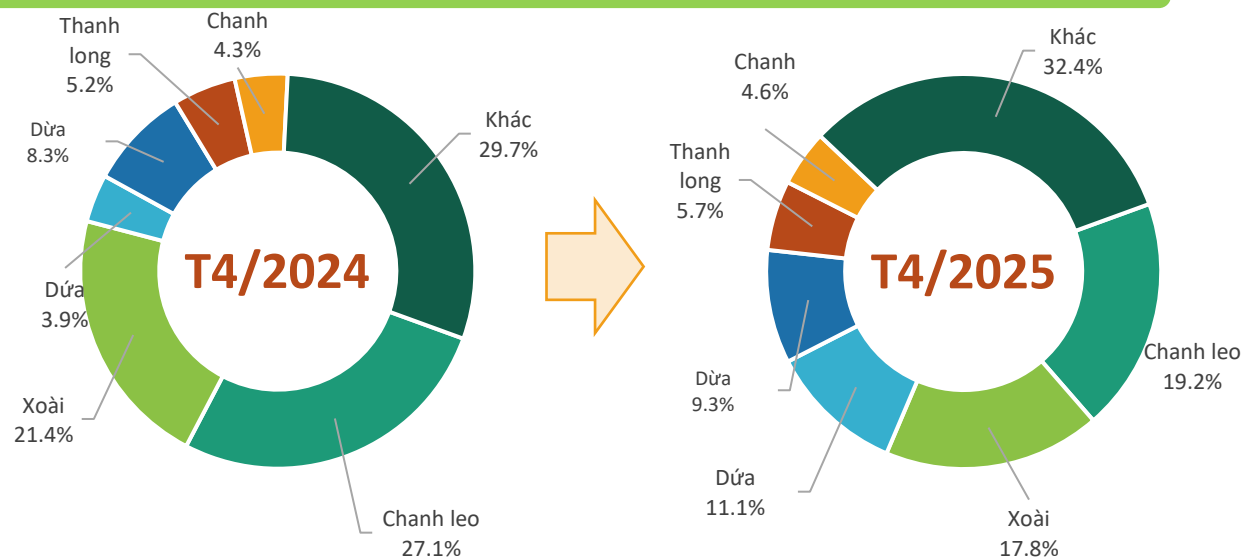
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang thị trường EU, T4/2025





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T4/2025



Chanh leo

Kim ngạch: **7,9** triệu USD
Giảm **15,5%** so với T3/2025
Tăng **3,7%** so với T4/2024



Xoài

Kim ngạch: **7,4** triệu USD
Giảm **6,2%** so với T3/2025
Tăng **22,0%** so với T4/2024



Dứa

Kim ngạch: **4,6** triệu USD
Tăng **30,8%** so với T3/2025
Tăng **315,4%** so với T4/2024



Dừa

Kim ngạch: **3,8** triệu USD
Tăng **36,2%** so với T3/2025
Tăng **64,1%** so với T4/2024



Thanh long

Kim ngạch: **2,4** triệu USD
Tăng **51,8%** so với T3/2025
Tăng **62,3%** so với T4/2024



Chanh

Kim ngạch: **1,9** triệu USD
Tăng **16,1%** so với T3/2025
Tăng **55,5%** so với T4/2024

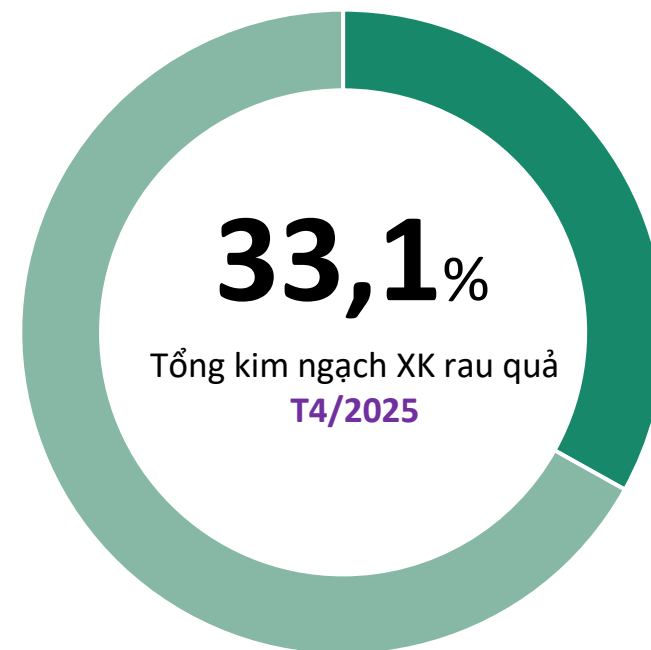


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu rau quả
sang thị trường EU, T4/2025



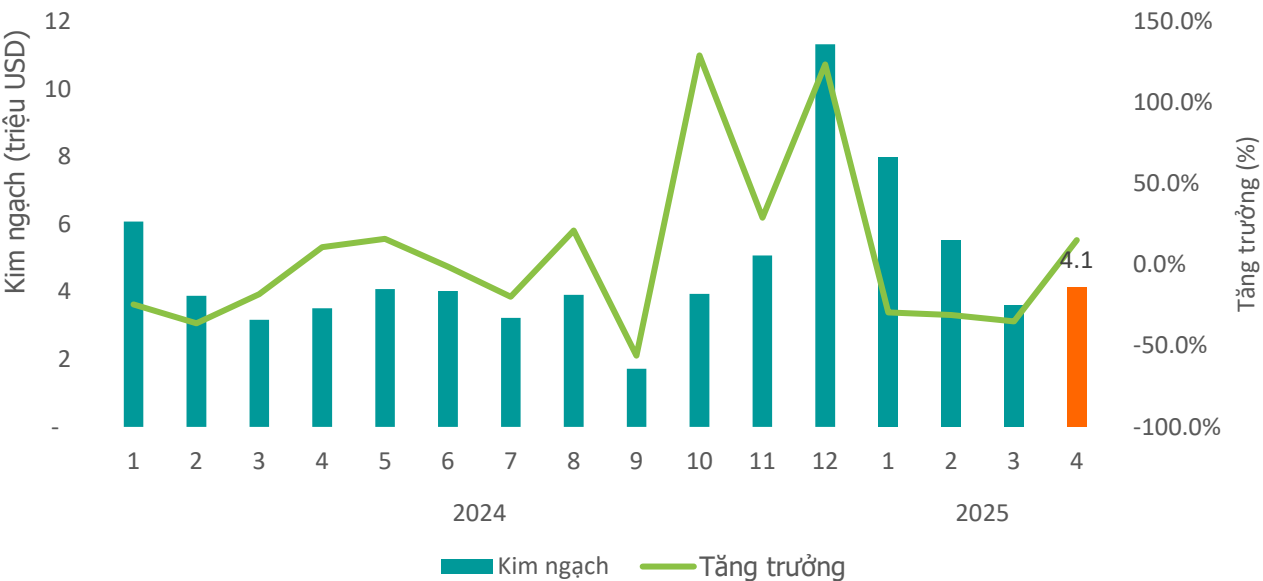
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang thị trường EU, T4/2025





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường EU, T4/2025

KIM NGẠCH

4,1
triệu USD



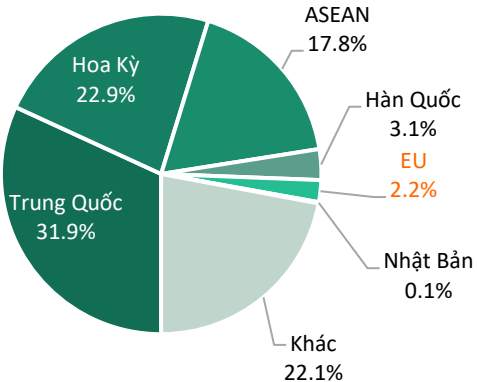
Tăng **15,2%** so với T3/2025

Tăng **17,4%** so với T4/2024

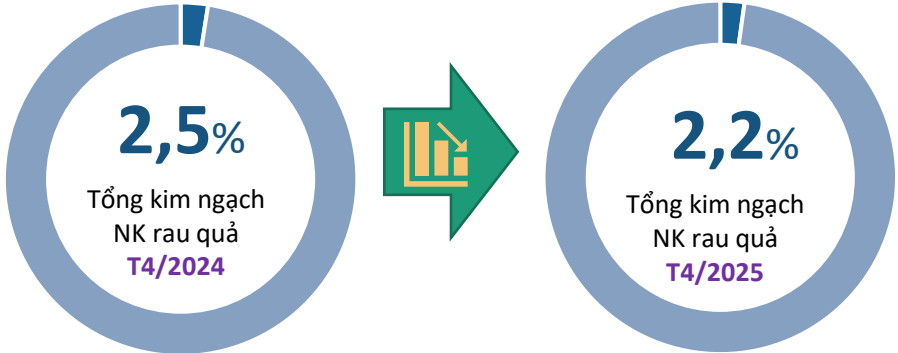
Thấp hơn **0,37 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **21,2 triệu USD**, đạt **39,3%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2025



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2025

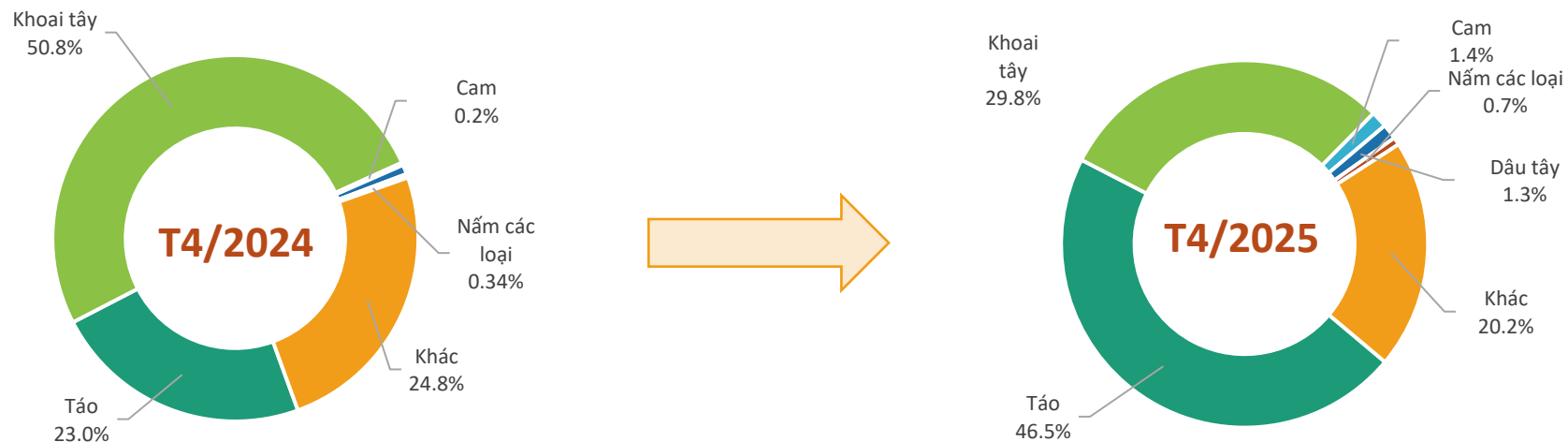


Nguồn: Cục Hải quan



RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường EU, T4/2025



Táo

Kim ngạch: **1,9** triệu USD

Giảm **14,6%** so với T3/2025

Tăng **137,5%** so với T4/2024



Khoai tây

Kim ngạch: **1,2** triệu USD

Tăng **118,9%** so với T3/2025

Giảm **31,1%** so với T4/2024



Cam

Kim ngạch: **59,5** nghìn USD

Gấp **15,5** lần so với T3/2025

Gấp **7,2** lần so với T4/2024



Tin liên quan

Sản lượng quả mọng ở Moldova dự kiến sẽ giảm vào năm 2025

Sản lượng quả mọng tại Moldova dự kiến sẽ giảm đáng kể trong năm 2025 do ảnh hưởng của đợt sương giá vào tháng 4. Các loại quả như mâm xôi, dâu tây, phúc bồn tử và việt quất đều bị thiệt hại nặng nề, đặc biệt là các giống việt quất Canada với mức tổn thất lên tới 70%. Tuy nhiên, các nông trại sử dụng phương pháp canh tác bảo vệ như nhà kính hoặc phủ lưới nông nghiệp chỉ chịu thiệt hại khoảng 10–15%.

Nguồn: Freshplaza.com

Nhập khẩu trái cây và rau quả tươi của Tây Ban Nha trong Quý I/2025 tăng cả về lượng và giá trị.

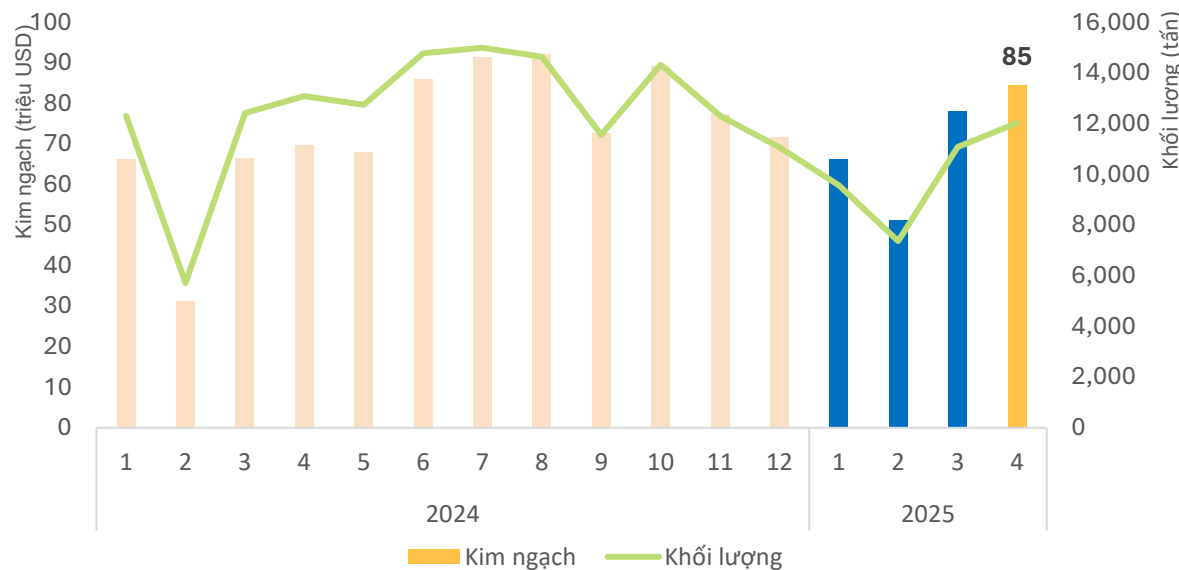
Trong quý I/2025, Tây Ban Nha đã nhập khẩu khoảng 1,2 triệu tấn trái cây và rau quả tươi, trị giá khoảng 1.648 triệu USD, tăng 10% về khối lượng và 15% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, rau củ chiếm 659.197 tấn (tăng 9%), giá trị 572 triệu USD (tăng 3%). Khối lượng nhập khẩu trái cây đạt 536.620 tấn (tăng 10%), trị giá 1.076 triệu USD (tăng 22%). Trong khi đó, xuất khẩu rau quả của Tây Ban Nha chỉ tăng nhẹ 0,8% về khối lượng và 5% về giá trị, phản ánh xu hướng tăng tiêu dùng nội địa và phụ thuộc ngày càng lớn vào nhập khẩu.

Nguồn: Freshplaza.com

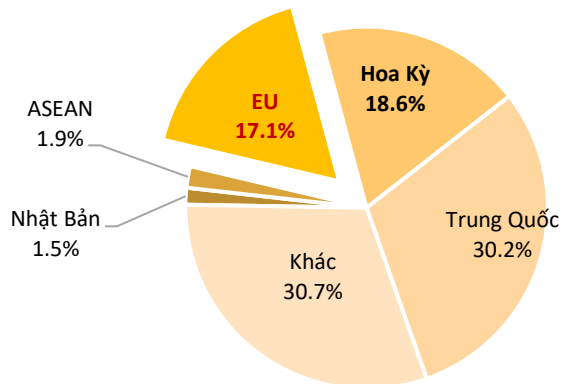


ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường EU, T4/2025

KIM NGẠCH

84,55 triệu USD

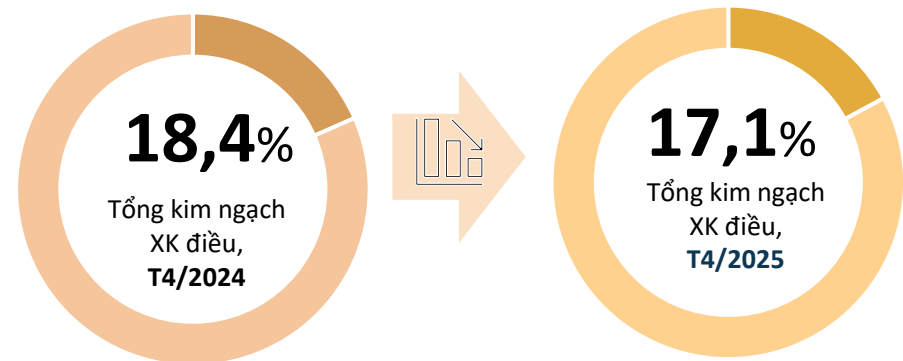
- ↗ Tăng **8,2%** so với T3/2025
- ↗ Tăng **21,2%** so với T4/2024
- ↗ Cao hơn **11 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024
- ❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **280 tr.USD**, đạt **32%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

12,03 nghìn tấn

- ↗ Tăng **8,7%** so với T3/2025
- ↘ Giảm **8,1%** so với T4/2024
- ↘ Thấp hơn **463 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024
- ❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **40 nghìn tấn**, đạt **27%** khối lượng năm 2024

Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường EU, T4/2025

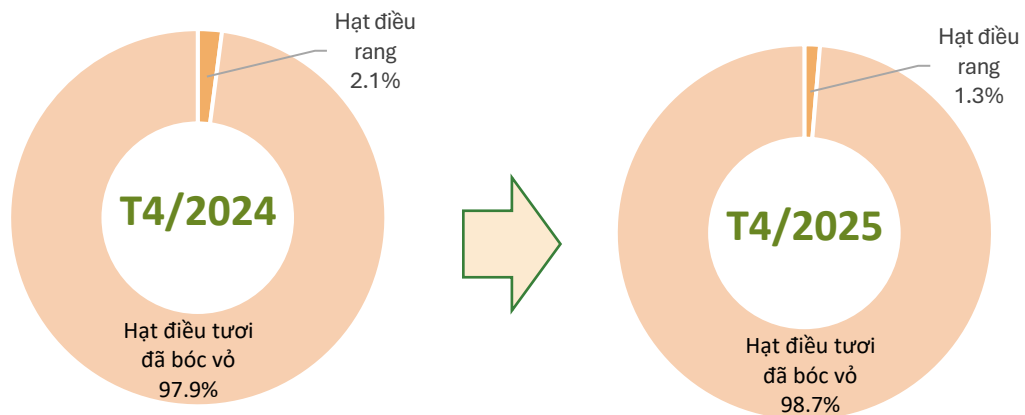


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

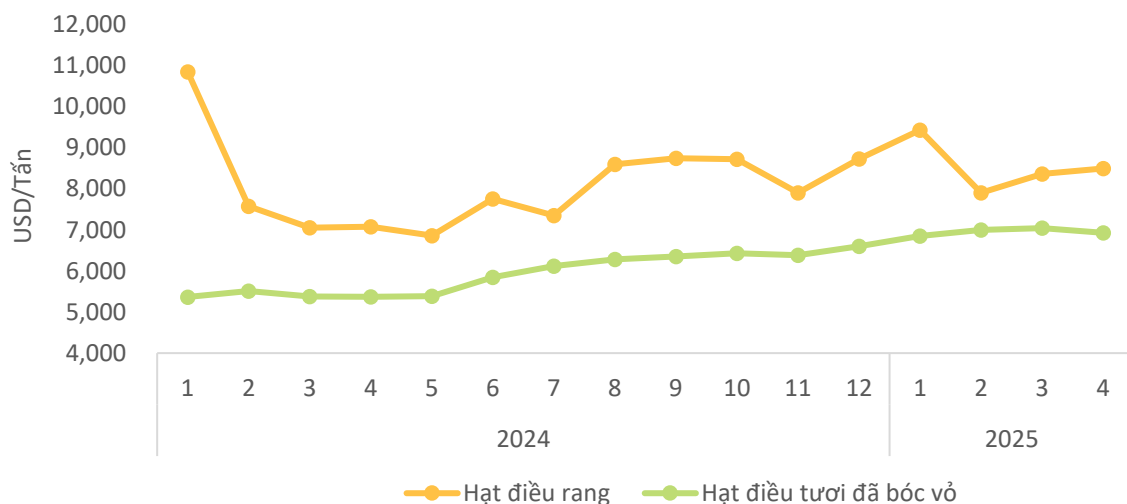


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường EU, T4/2025



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **83,4** triệu USD

Tăng **8,2%** so với T3/2025

Tăng **22%** so với T4/2024



Điều rang

Kim ngạch: **1,13** triệu USD

Tăng **7,1%** so với T3/2025

Giảm **22%** so với T4/2024

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **6.926** USD/tấn; **giảm 1,6%** so với tháng trước; và **tăng 29%** so với cùng kỳ năm 2024.

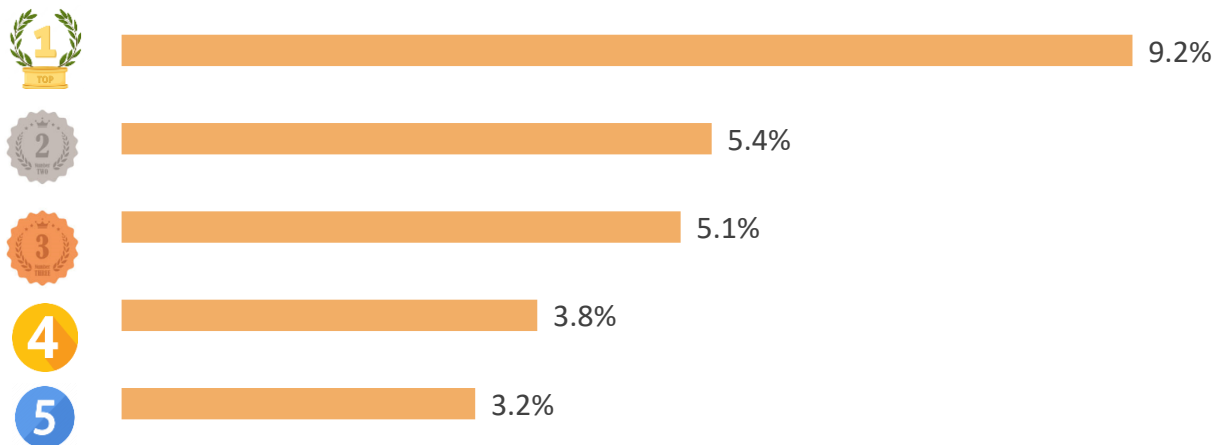
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **8.493** USD/tấn; **tăng 1,6%** so với tháng trước; và **tăng 20%** so với cùng kỳ năm 2024.

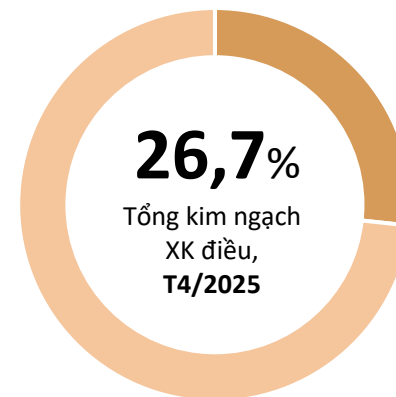


ĐIỀU

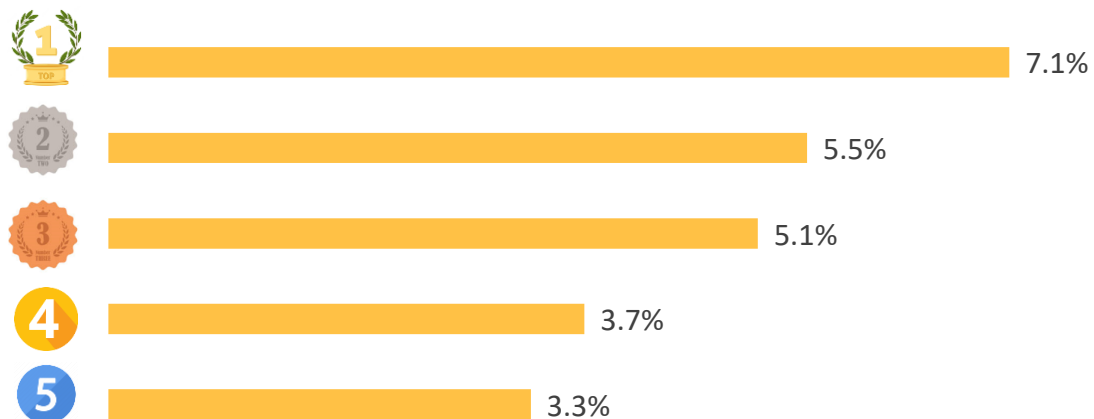
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



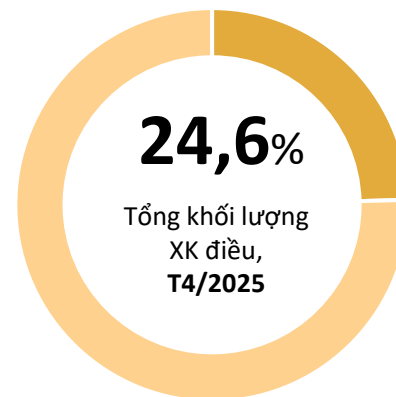
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Hạt điều Tanzania tiếp cận thị trường tiềm năng tại châu Âu

Hạt điều sản xuất tại vùng Mtwara, Tanzania đã bước đầu tiếp cận được thị trường châu Âu đầy tiềm năng. Quá trình đàm phán giữa Agricultural Non-State Actors Forum (ANSAF) và đối tác châu Âu đã gần hoàn tất và chuẩn bị ký kết Biên bản ghi nhớ (MoU) với kỳ vọng sẽ mở ra hợp tác sâu rộng về kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Tanzania hiện là quốc gia sản xuất hơn 300.000 tấn hạt điều thô mỗi năm, với ba vùng Mtwara, Lindi và Ruvuma đóng góp khoảng 80% tổng sản lượng. Doanh thu xuất khẩu khoảng 1 tỷ USD mỗi năm, nhưng đến 87% sản lượng hạt điều vẫn được xuất khẩu ở dạng thô, nên cần đẩy mạnh chế biến để gia tăng giá trị và lợi ích kinh tế.

Nguồn: ippmedia.com





Công ty Sept tại Senegal đang chuẩn bị xuất khẩu container hạt điều đầu tiên sau khi hoàn tất các chứng nhận cần thiết và đầu tư vào nâng cấp thiết bị chế biến. Đáng chú ý, bước tiến này có sự hỗ trợ quan trọng từ sáng kiến NTFV (do Bộ Ngoại giao Hà Lan triển khai), thông qua đào tạo và kết nối thị trường quốc tế. Nhờ NTFV, công ty đã mở rộng cơ hội tiếp cận các thị trường mới như Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp và Canada, tạo nền tảng cho việc đưa sản phẩm hạt điều Senegal ra thế giới.

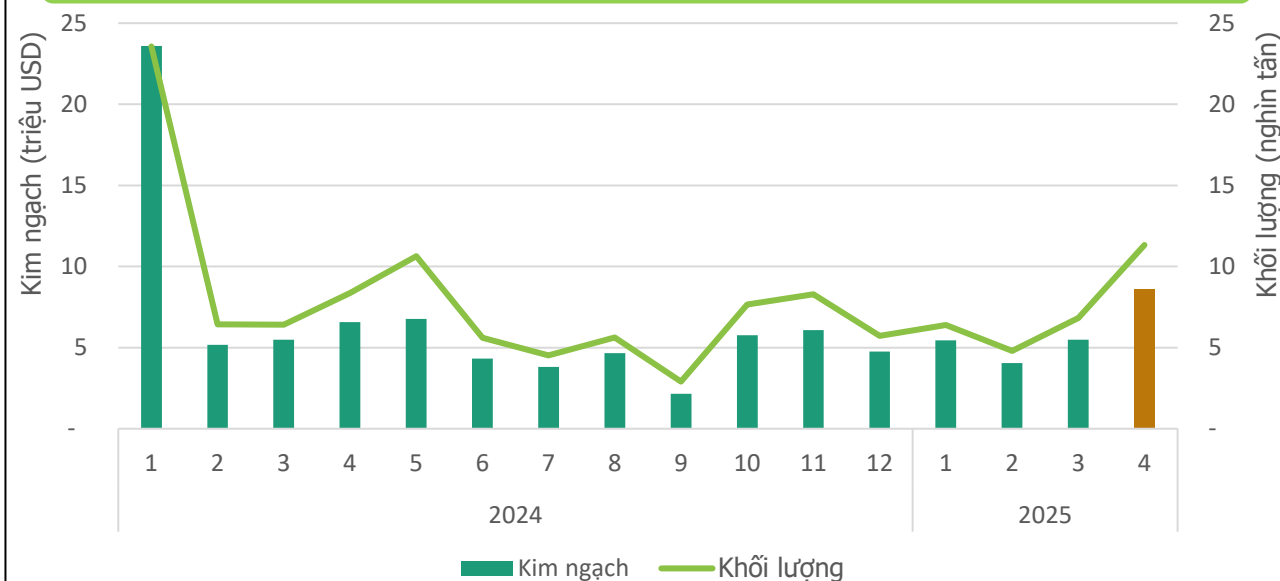
Nguồn: freshplaza.com





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường EU, T04/2025



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường EU, T04/2025

KIM NGẠCH
8,6 triệu USD



↗ Tăng **56,3%** so với T03/2025

↗ Tăng **30,7%** so với T04/2024

↑ Cao hơn **1,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **23,6** triệu USD, đạt **29,8%** kim ngạch 2024

KHỐI LƯỢNG
11,3 nghìn tấn



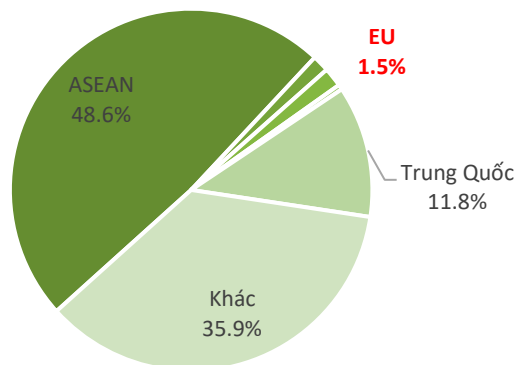
↗ Tăng **65,6%** so với T03/2025

↗ Tăng **35,3%** so với T04/2024

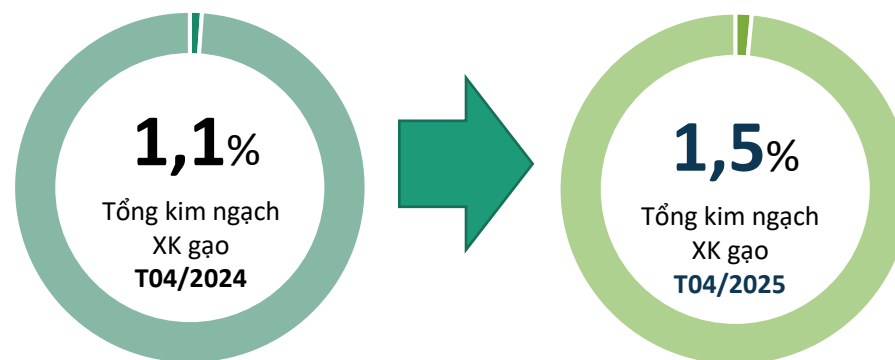
↑ Cao hơn **3,3 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **29,3** nghìn tấn, đạt **30,7%** lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường EU, T04/2025



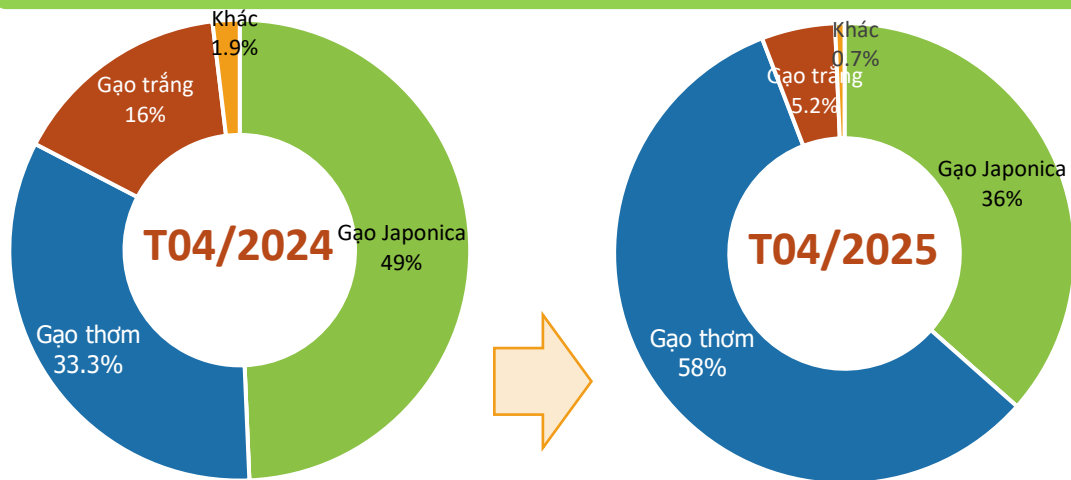
Biến động tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường EU, T04/2025



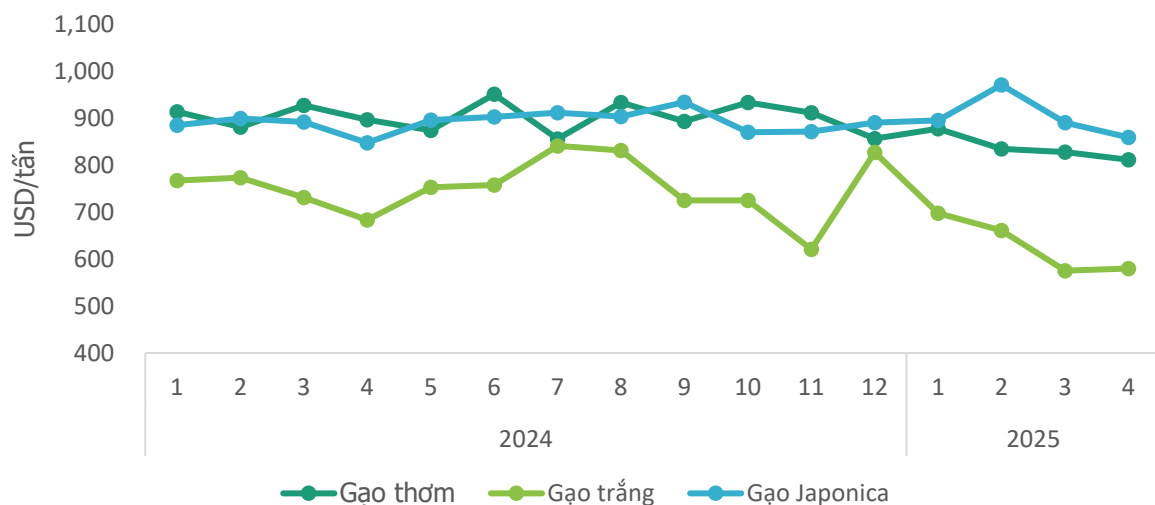


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường EU, T04/2025



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T04/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường EU, T04/2025



Gạo thơm

Kim ngạch: **4,9** triệu USD
Tăng **42%** so với T03/2025
Tăng **126%** so với T04/2024



Gạo Japonica

Kim ngạch: **3,1** triệu USD
Tăng **108%** so với T03/2025
Giảm **3%** so với T04/2024



Gạo trắng

Kim ngạch: **0,4** triệu USD
Tăng **10%** so với T03/2025
Giảm **56%** so với T04/2024

Gạo Japonica

Giá xuất khẩu bình quân trong T04/2025 ở mức **860** USD/tấn; **giảm 4%** so với tháng trước; và **tăng 1%** so với cùng kỳ năm 2024.

Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T04/2025 ở mức **828** USD/tấn; **giảm 2%** so với tháng trước; và **giảm 10%** so với cùng kỳ năm 2024.

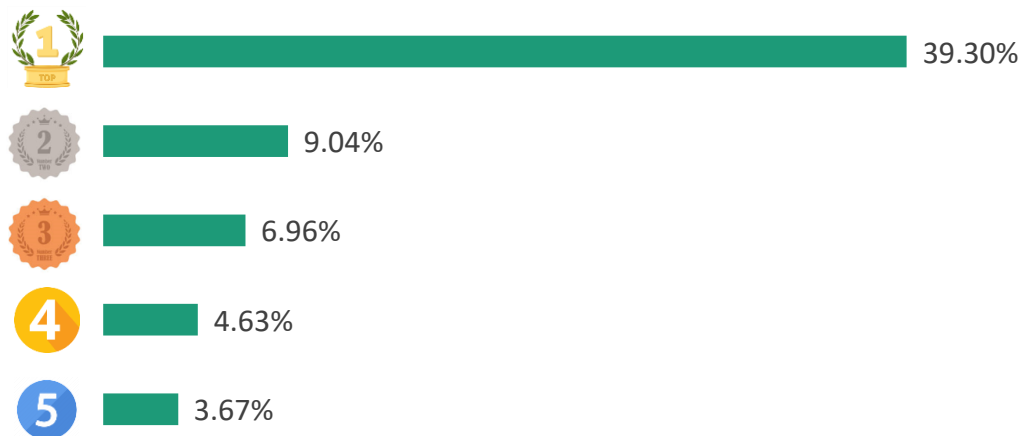
Gạo trắng

Giá xuất khẩu bình quân trong T04/2025 ở mức **576** USD/tấn; **tăng 1%** so với tháng trước; và **giảm 15%** so với cùng kỳ năm 2024.

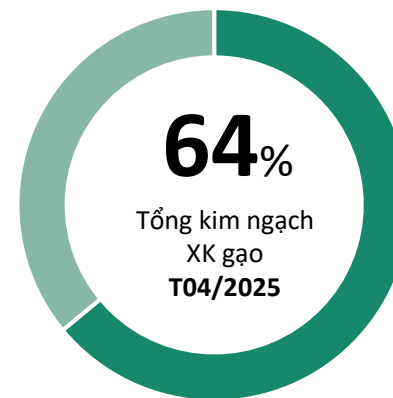


LÚA GẠO

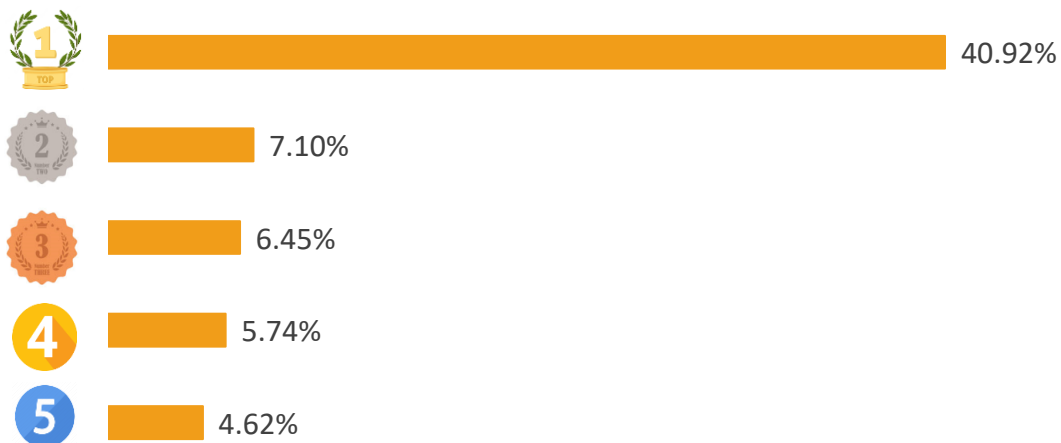
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T04/2025



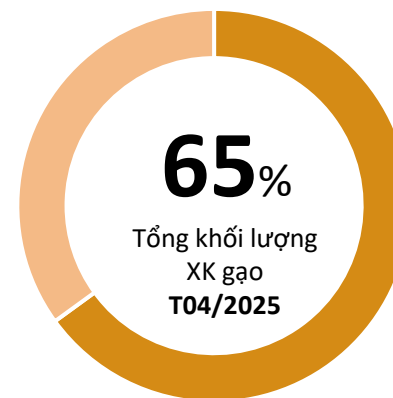
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T04/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường EU, T04/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T04/2025





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO EU



Theo Euronews, ngành gạo – một trong những mặt hàng nhập khẩu thiết yếu của Liên minh châu Âu (EU) – đang đối mặt với những rủi ro nghiêm trọng do suy giảm đa dạng sinh học và tác động ngày càng rõ rệt của biến đổi khí hậu tại các quốc gia cung cấp.

Hiện nay, hơn một nửa lượng thực (bao gồm gạo, ngô, lúa mì, ...) nhập khẩu vào EU đến từ các nước dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu và thiếu nguồn lực để thích ứng. Điều này dẫn đến nguy cơ giảm năng suất, tăng giá và gây bất ổn cho an ninh lương thực khu vực. Mặc dù EU đang nỗ lực tăng cường sản xuất lương thực trong nội khối, các yếu tố như nhiệt độ tăng cao, hạn hán kéo dài, và các vấn đề môi trường khác cũng đang ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sản xuất của châu Âu. Do đó, tự cung cấp hoàn toàn là điều khó khả thi trong bối cảnh hiện tại.

Trước tình hình này, EU cần có chiến lược dài hạn và đầu tư mạnh mẽ vào việc nâng cao khả năng chống chịu khí hậu cho các đối tác cung ứng gạo, đồng thời củng cố cơ sở hạ tầng thương mại quốc tế. Những biện pháp này không chỉ giúp bảo đảm nguồn cung ổn định và bền vững mà còn đóng góp vào sự thích ứng toàn cầu với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nguồn: euronews.com

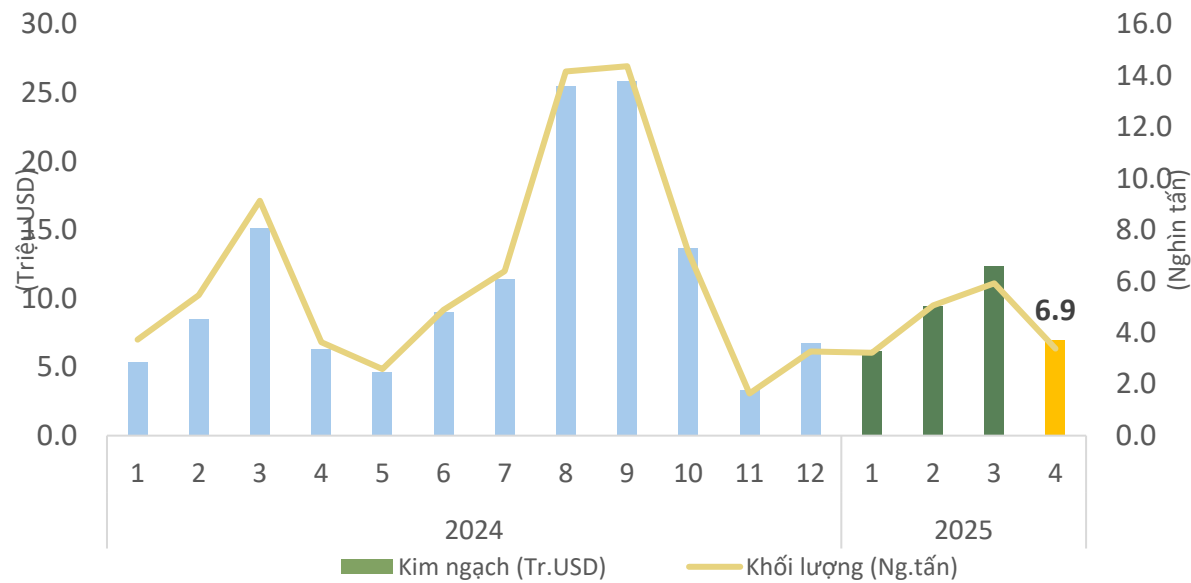


TIN LIÊN QUAN



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường EU, T4/2025

KIM NGẠCH

6,93 triệu USD

↘ Giảm **44%** so với T3/2025

↘ Giảm **8%** so với T3/2024

↓ Thấp hơn **7,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2025 đạt **35 triệu USD**, đạt **19,7%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

3.388 tấn

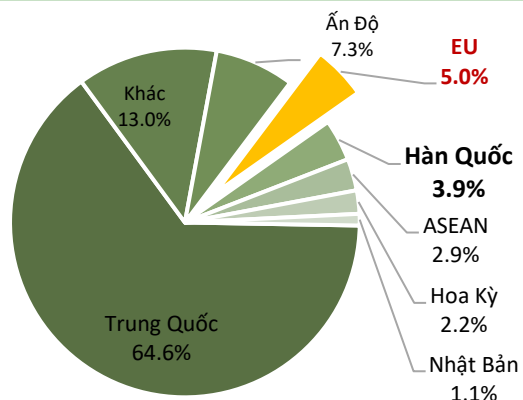
↘ Giảm **43%** so với T3/2025

↘ Giảm **21%** so với T3/2024

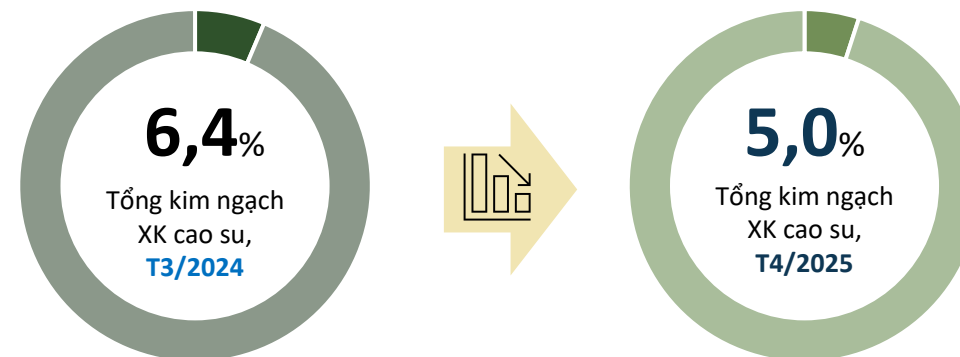
↓ Thấp hơn **4,9 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2025 đạt **18 nghìn tấn**, đạt **17,6%** khối lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị cao su của Việt Nam sang thị trường EU, T4/2025



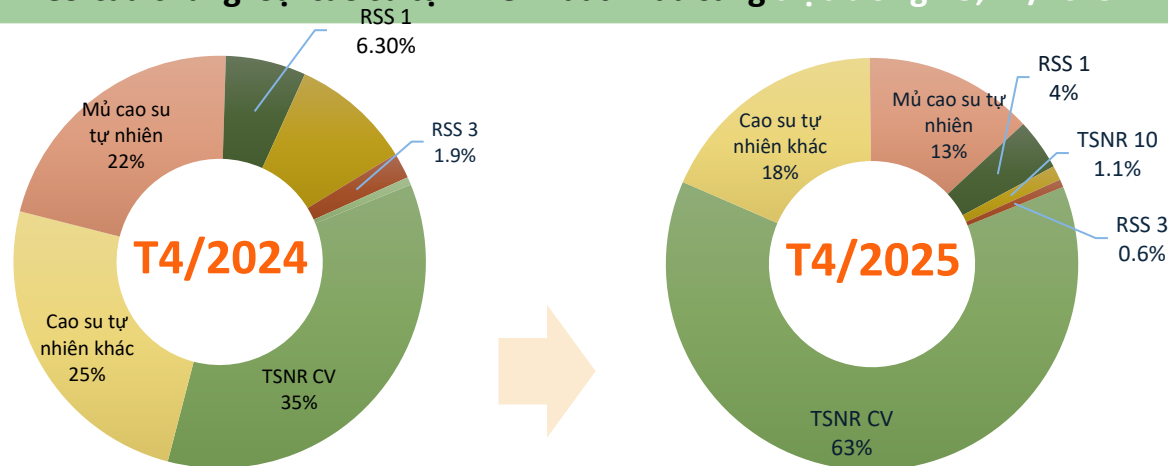
Biến động tỷ trọng giá trị cao su sang thị trường EU, T4/2025



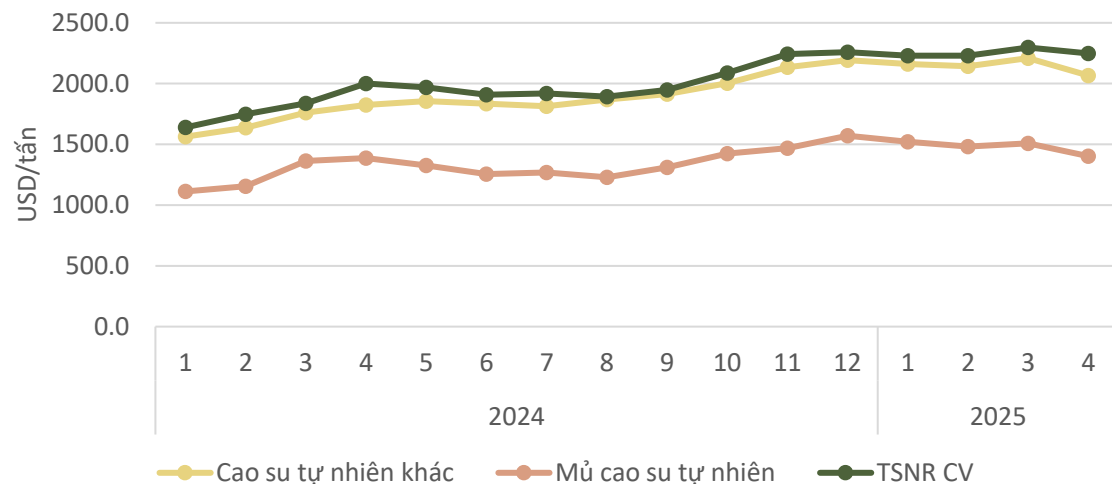


CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T4/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường EU, T4/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **1,3** triệu USD
Giảm **63%** so với T3/2025
Giảm **15%** so với T3/2024



TSNR CV

Kim ngạch: **4,34** triệu USD
Giảm **28,4%** so với T3/2025
Tăng **106%** so với T3/2024



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **0,92** triệu USD
Giảm **57%** so với T3/2025
Giảm **28,5%** so với T3/2024

Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **2.065** USD/tấn; giảm **6,5%** so với tháng trước; và tăng **16%** so với cùng kỳ năm 2024.

TSNR CV

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **2.249** USD/tấn; giảm **2,1%** so với tháng trước; và tăng **11,4%** so với cùng kỳ năm 2024.

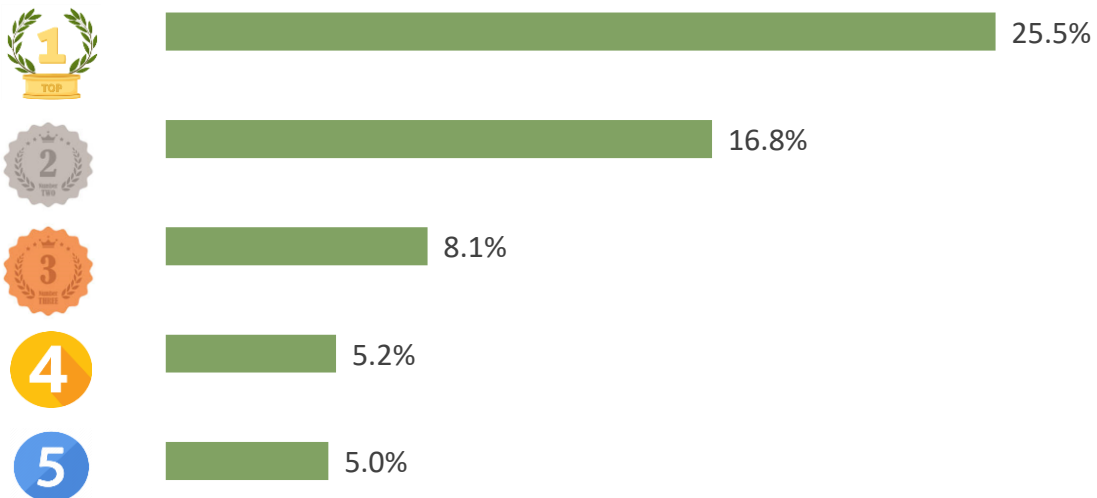
Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **1.402** USD/tấn; giảm **7,0%** so với tháng trước; và tăng **1,4%** so với cùng kỳ năm 2024.

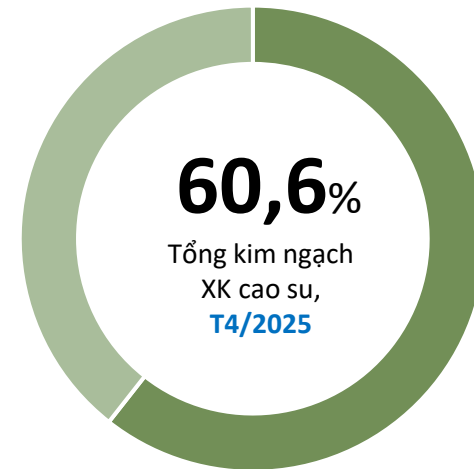


CAO SU

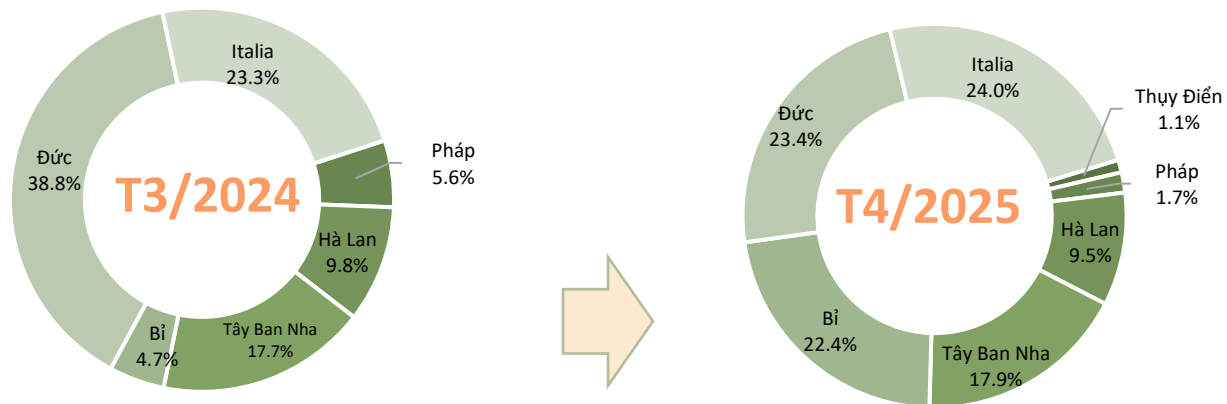
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T4/2025



Biến động tỷ trọng xuất khẩu cao su của Việt Nam sang một số nước trong khối EU, T4/2025



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU EU



Ủy ban châu Âu (EC) đã công bố hệ thống phân loại mức độ rủi ro quốc gia trong khuôn khổ Quy định chống phá rừng (EUDR), dự kiến có hiệu lực vào cuối năm 2025. Việc công bố này được cho là tín hiệu tích cực đối với doanh nghiệp cao su Việt Nam.

Theo đó, Việt Nam được xếp vào nhóm “rủi ro thấp”, nhờ đó sẽ được áp dụng quy trình kiểm soát đơn giản hơn khi xuất khẩu các sản phẩm nông - lâm nghiệp như cà phê, gỗ, ca cao và cao su..., sang thị trường này.

Bốn quốc gia bị EC xếp vào nhóm “rủi ro cao” gồm Belarus, Myanmar, Triều Tiên và Nga. Trong khi đó, Brazil và Indonesia thuộc nhóm “rủi ro tiêu chuẩn” với mức độ kiểm soát trung bình.

Nguồn: mekongasean.vn



Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng đã tổ chức Lễ công bố sản phẩm thích ứng với quy định về chống mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR), vào ngày 28/5/2025.

Đây là sự kiện quan trọng, có ý nghĩa trong bối cảnh các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cao su nỗ lực sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và yêu cầu minh bạch trong chuỗi cung ứng theo các yêu cầu của EUDR (EU Deforestation-free Regulation) của Liên minh Châu Âu. Đồng thời là dịp Công ty quảng bá thương hiệu sản phẩm và giới thiệu về hệ thống truy xuất nguồn gốc đáp ứng EUDR của Công ty, mở ra cơ hội hợp tác giữa Công ty với các khách hàng, đối tác lớn tại trong nước và các nước trên thế giới.

Nguồn: caosu.com.vn



Tin liên quan



Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo